

Bản án số: 61/2021/HS-ST  
Ngày: 29/12/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thị Hương.

**- T8ký Pên tòa:** Bà Lê Thị Nhân - T8ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia Pên tòa:** Bà Phạm Thị H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/ TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. TRẦN X T**, sinh ngày 13-6-1993 tại tỉnh Yên Bái. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái; Chỗ ở hiện nay: Phòng F Chung cư P, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H và bà Lê Thị Đ; có vợ là Vũ Thị Thiên N; Con chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N. (Có mặt)

**2. TRẦN ĐÌNH T1**, sinh ngày 10-9-1991, tại tỉnh Yên Bái. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 4, thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; Chỗ ở hiện nay: Phòng C Chung cư P, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình T và bà Phan Thị D; Chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N. (Có mặt)

**3. LÙ VĂN C**, sinh ngày: 02-8-1997, tại tỉnh Lào Cai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai; Chỗ ở hiện nay: Phòng C4-Tầng 10 Chung cư P, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Văn M, bà Đặng Thị N; Chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N. (Có mặt)

**4. LA VĂN L**, sinh ngày: 06-10-2002 tại tỉnh Lào Cai. Nơi đăng ký hộ

khẩu thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai; Chỗ ở hiện nay: Khu phố o, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn T và bà Vương Thị L; Chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đặng Thị P, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Khu phố x, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
2. Bà Nguyễn Thị Phước T, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Khu phố y, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
3. Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Khu phố y, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
4. Bà Đặng Thị X T, sinh năm: 1997; Nơi cư trú: Khu phố z, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
5. Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Khu phố j, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
6. Bà Đặng Thị P, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Khu phố j, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
7. Bà Võ Thị M, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Khu phố j, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
8. Ông Phạm K, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Khu phố j, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
9. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Khu phố h, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
10. Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1977; Nơi cư trú: Khu phố m, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
11. Bà Lê Thị Thanh T2, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
12. Ông Lê Anh H, sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
13. Bà Phan Thị T3, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
14. Bà Nguyễn Thị Hồng T4, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
15. Bà Châu Thị X, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Khu phố j, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
16. Bà Đảng Nữ Thị Quốc N, sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Khu phố j, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt);
17. Bà Hồ Thị Kim T4, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Khu phố w, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
18. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Khu phố m, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt);
19. Bà Lương Thị Hoàng O, sinh năm: 1977; Nơi cư trú: Khu phố w, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
20. Bà Đào Thị H, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Khu phố l, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

21. Bà Đàng Nữ Thu N, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Khu phố z, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
22. Bà Đàng Thị Thu H, sinh năm: 1966 Nơi cư trú: Khu phố z, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
23. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Khu phố m, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
24. Bà Đàng Thị L, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Khu phố j, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt);
25. Bà Châu Thị H2, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Khu phố i, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
26. Bà Huỳnh Hứa Thị Minh P, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Khu phố o, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
27. Bà Đàng Thị Mỹ Hồng T5, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Khu phố j, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt);
28. Bà Nguyễn Thị Thu T6, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
29. Bà Cao Thị M, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
30. Bà Tô Thị L, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt);
31. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1960; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt);
32. Bà Đạo Thị Nhị, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
33. Bà Trương Thị Kim P, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
34. Bà Bùi Thị T7, sinh năm: 1977; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
35. Bà Đinh Thị Mỹ D, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt);
36. Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
37. Ông Huỳnh Trần Ngọc T8, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
38. Bà Hải Thị Ngọc S, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
39. Bà Nguyễn Thị Mỹ H3, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Khu phố u, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
40. Bà Nguyễn Thị Bích H4, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Khu phố n, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
41. Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Khu phố n, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
42. Bà Trương Thị T9, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
43. Bà Phú Thị C1, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Khu phố z, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

44. Bà Châu Thị C2, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn Tân Đức, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
45. Bà Đạt Thị T9, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Khu phố j, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
46. Bà Đạt Thị Hồng R, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Khu phố j, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
47. Bà Hán Thị Kim K, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
48. Bà Dương Thị Thùy U, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Khu phố n, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
49. Bà Đỗ Thị L, sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Khu phố o, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
50. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Thôn N, xã P2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
51. Bà Quảng Thị H, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Thôn N, xã P2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
52. Bà Đồng Thị Mộng T11, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Thôn N, xã P2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
53. Bà Trương Như A, sinh năm: 1977; Nơi cư trú: Thôn N, xã P2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
54. Bà Lưu Quang Hồng T12, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn H, xã P2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
55. Bà Lưu Thị L, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn H, xã P2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
56. Bà Ngô Thị T11, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Thôn T, xã P2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
57. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1965; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
58. Bà Võ Thị S1, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Thôn T, xã P2, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
59. Bà Hứa Thị D, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Thôn P, xã P3, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
60. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn P, xã P3, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
61. Bà Châu Thị Ngọc T13, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn P, xã P3, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
62. Bà Đảng Thị S3, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn H, xã P4, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
63. Bà Lưu Thị G, sinh năm: 1961; Nơi cư trú: Thôn H, xã P4, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
64. Bà Đạt Thị Kim T14, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Thôn H, xã P4, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
65. Bà Kiều Thị Lệ N, sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Thôn P, xã P3, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
66. Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Khu phố n, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);

67. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
68. Bà Nguyễn Thị J G, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
69. Bà Trương Thị H6, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
70. Bà Kiều Thị Kim A, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
71. Bà Đặng Thị Thùy D, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Khu phố n, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
72. Bà Đặng Thị Mộng H7, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Khu phố n, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
73. Bà Trần Thị D1, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Khu phố z, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
74. Bà Nguyễn Thị Mỹ C4, sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Khu phố n, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
75. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1954; Nơi cư trú: Khu phố u, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
76. Bà Châu Đình Diễm L6, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Khu phố n, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt);
77. Bà Vũ Thị Thiên N2, sinh năm: 2001; Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái (có mặt);
78. Ông Đỗ Hải N3, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Tổ A, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/06/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Thuận T9 hành khám xét chỗ ở của Trần X T tại căn hộ F, Trần Đình T1, Lù Văn C, La Văn L tại C4 –Tầng 10 Chung cư P thuộc Khu phố o, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận phát hiện và tạm giữ nhiều tài liệu L quan đến hoạt động cho vay nặng lãi nên đã mời các đối tượng về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra chứng minh được như sau:

Đầu năm 2020, Trần X T (Sinh năm: 1993, trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái) dùng số tiền 800.000.000 đồng cùng Trần Đình T1 (Sinh năm: 1991, trú tại: Khu phố m, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái), La Văn L (Sinh năm: 2002, trú tại: Thôn Đ, C, V, tỉnh Lào Cai), Lù Văn C (Sinh năm: 1997, trú tại: Thôn Bảo Lột, xã Bản Cần, huyện Bản T7, tỉnh Lào Cai) thuê căn hộ tại chung cư P thuộc Khu phố o, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận để hoạt động cho vay nặng lãi. T là đối tượng cầm đầu, cung cấp tiền, trực tiếp chỉ đạo và giao cho T1, L, C quản lý việc cho vay, tìm thêm người vay mới. Nhiệm vụ của từng người trong nhóm được T phân công và trả lương cho T1 8.000.000 đồng/tháng, C và L 4.000.000 đồng/tháng/người, ngoài ra nếu tìm được người vay mới hoặc thu đủ được tiền của các con nợ thì sẽ được T cho tiền thưởng (gọi là tiền Phế), đồng thời T cung cấp P tiện cho T1, L, C để thực hiện việc cho vay. T vừa trực tiếp đi cho vay, thu tiền vừa quản lý hoạt động vay đối với T1, L, C

thông qua phần mềm “T4 tính” do T quản lý được cài đặt trên điện thoại di động của T, T1, L, C. Nếu trường hợp người vay tiền trong nhóm không trả đúng hạn thì sẽ báo với T để phân công những người còn lại trong nhóm hỗ trợ đi thu tiền. Số tiền gốc và lãi thu được từ việc cho vay, T dùng để trả tiền thuê phòng ở, trả lương cho T1, L, C và chi phí ăn uống và sinh hoạt cho T, T1, L, C; phần còn lại T tiếp tục sử dụng làm tiền gốc cho người khác vay tiếp và thu lãi.

Cơ quan điều tra đã chứng minh, làm việc với 76 người vay tiền của nhóm Trần X T, xác định: tổng số tiền cho 76 người vay là 1.161.500.000 đồng, tiền lãi bất chính thu được 207.605.556 đồng, mức lãi suất từ 180%/năm đến 300%/năm. Cụ thể:

| STT | Họ và tên                                               | Ngày vay   | Số tiền vay (đồng) | Lãi suất (%năm) | Tiền thu lợi bất chính (đồng) |
|-----|---------------------------------------------------------|------------|--------------------|-----------------|-------------------------------|
| 1   | Đặng Thị P (P Mb),<br>SN: 1972 ở KP4, M, TP PRTC        | 05/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 566.667                       |
| 2   | Nguyễn Thị Phước T (T Mđ) SN: 1984<br>ở KP3, M, TP PRTC | 19/2/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         |            | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         |            | 5.000.000          | 240             | 583.333                       |
|     |                                                         | 24/2/2021  | 2.500.000          | 240             | 558.333                       |
|     |                                                         |            | 2.500.000          | 240             | 558.333                       |
|     |                                                         |            | 2.500.000          | 240             | 391.667                       |
| 3   | Phạm Thị H (H Mđ)<br>SN: 1973 ở KP3, M, TP PRTC         | 17/12/2020 | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 05/1/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 19/2/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 09/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 29/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 13/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 28/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 12/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 283.333                       |
|     |                                                         | 23/12/2020 | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 10/1/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 23/2/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 13/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 02/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 17/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 03/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 566.667                       |
| 4   | Đặng Thị X T (T đđ)<br>SN: 1997 ở KP6, M, TP PRTC       | 29/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 616.667                       |
|     |                                                         | 15/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 616.667                       |
| 5   | Phạm Thị H (H đđ)<br>SN: 1979 ở KP7, M, TP PRTC         | 3/2020     | 5.000.000          | 240             | 483.333                       |
|     |                                                         | 3/2020     | 5.000.000          | 240             | 416.667                       |
| 6   | Đặng Thị P (P đđ)<br>SN: 1970 ở KP7, M, TP PRTC         | 18/12/2020 | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 19/12/2020 | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 24/12/2020 | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 02/1/2021  | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 19/2/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 12/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 05/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 21/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 04/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 450.000                       |
| 7   | Võ Thị M (M đđ)                                         | 10/12/2020 | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 02/1/2021  | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 19/2/2021  | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |

|    |                                                                        |            |            |     |           |
|----|------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-----|-----------|
|    | SN: 1970 ở KP7, M, TP PRTC                                             | 15/3/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        | 05/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        | 26/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        | 01/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 350.000   |
| 8  | Phạm K (K đ)                                                           | 17/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    | SN: 1971 ở KP7, M, TP PRTC                                             | 04/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 316.667   |
| 9  | Trần Thị N (N mđ)<br>SN: 1986 ở KP8, T, TP PRTC                        | 01/12/2020 | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        | 05/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 483.333   |
|    |                                                                        | 13/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 383.333   |
| 10 | Nguyễn Thị Hồng P (P mb) SN: 1977 ở KP4, M, TP PRTC                    | 05/6/2021  | 10.000.000 | 240 | 966.667   |
| 11 | Lê Thị Thanh T2 (T2 tt)<br>SN: 1972 ở Tri Thủy 1, Tri Hải, Ninh Hải    | 17/12/2020 | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 05/1/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 20/1/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 27/2/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 22/3/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 05/4/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 20/4/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 02/6/2021  | 3.000.000  | 240 | 330.000   |
|    |                                                                        | 2020       | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 14/12/2020 | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 19/4/2021  | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 15/6/2021  | 20.000.000 | 240 | 600.000   |
| 12 | Lê Anh H (H tt, H tri thủy) SN: 1975 ở Tri Thủy 2, Tri Hải, Ninh Hải   | 2020       | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 14/12/2020 | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 19/4/2021  | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 15/6/2021  | 20.000.000 | 240 | 600.000   |
| 13 | Phan Thị T3 (T3 TA)<br>SN: 1978 ở T1 An, Tri Hải, Ninh Hải             | 15/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        | 20/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        | 5/6/2021   | 5.000.000  | 240 | 616.667   |
|    |                                                                        | 10/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 450.000   |
| 14 | Nguyễn Thị Hồng T4 (T4 tt)<br>SN: 1978 ở Tri Thủy 1, Tri Hải, Ninh Hải | 20/2/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 24/2/2021  | 3.000.000  | 240 | 570.000   |
| 15 | Châu Thị X (X bt)<br>SN: 1979 ở KP7, P1, N                             | 21/1/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                        | 17/2/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                        | 15/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                        | 29/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 808.333   |
| 16 | Đàng Nữ Thị Quốc N (N bt)                                              | 11/1/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |

|    |                                                       |            |            |     |           |
|----|-------------------------------------------------------|------------|------------|-----|-----------|
|    | SN: 1975, KP7, TT P1, N                               | 22/2/2021  | 10.000.000 | 240 | 2.233.333 |
|    |                                                       | 25/3/2021  | 10.000.000 | 240 | 2.233.333 |
|    |                                                       | 03/6/2021  | 10.000.000 | 240 | 1.233.333 |
| 17 | Hồ Thị Kim T4 (Trúc pd), SN: 1984 ở KP3, TT P1, N     | 03/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 766.667   |
| 18 | Nguyễn Thị C (Bé pd), SN: 1974 ở KP4, TT P1, N        | 20/3/2021  | 10.000.000 | 240 | 2.233.333 |
|    |                                                       | 09/4/2021  | 10.000.000 | 240 | 1.833.333 |
| 19 | Lương Thị Hoàng O (Gái Bé), SN: 1977 ở KP3, TT P1, N  | 03/6/2021  | 3.000.000  | 300 | 460.000   |
|    |                                                       | 10/6/2021  | 2.000.000  | 300 | 156.667   |
| 20 | Đào Thị H (H cá), SN: 1976 ở KP1, TT P1, N            | 17/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 616.667   |
|    |                                                       | 31/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 516.667   |
| 21 | Đàng Nữ Thu N (N), SN: 1985 ở KP6, TT P1, N           | 14/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 216.667   |
| 22 | Đàng Thị Thu H (H Mn), SN: 1966 ở KP6, TT Phước       | 13/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 283.333   |
| 23 | Nguyễn Thị Thu H1 (H1 pd), SN: 1979 ở Kp4, TT P1, N   | 12/2020    | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
| 24 | Đàng Thị L (L BT)<br>SN: 1987 ở KP7, TT P1, N         | 17/1/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 24/2/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 09/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 27/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 683.333   |
| 25 | Châu Thị H2 (H2 bt)<br>SN: 1972 ở KP7, TT P1, N       | 19/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 01/4/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 17/4/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 30/5/2021  | 5.000.000  | 300 | 641.667   |
| 26 | Huỳnh Hứa Thị Minh P (P vs) SN: 1968 ở KP5, TT P1, N  | 25/5/2021  | 5.000.000  | 300 | 725.000   |
| 27 | Đàng Thị Mỹ Hồng T5 (T5 bt) SN: 1980 ở KP7, TT P1, N  | 11/1/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 18/2/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 22/2/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                       | 29/3/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                       | 15/4/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 31/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 683.333   |
| 28 | Nguyễn Thị Thu T6 (T6 pd)<br>SN: 1989 ở KP3, TT P1, N | 02/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 558.333   |
| 29 | Cao Thị M (M nướng), SN: 1981 ở KP3, TT P1, N         | 21/5/2021  | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
|    |                                                       | 14/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 58.333    |
| 30 | Tô Thị L, SN: 1966 ở Nhuận Đức, P, N                  | 12/2020    | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 1/2021     | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 1/2021     | 5.000.000  | 300 | 350.000   |
| 31 | Nguyễn Thị Q, SN: 1960 ở Hữu Đức, P, N                | 10/2020    | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                       | 11/2020    | 5.000.000  | 240 | 283.333   |
| 32 | Đạo Thị Nhị (Nhị GV)<br>SN: 1979 ở T1 Đức, P, N       | 22/1/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
|    |                                                       | 26/2/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
|    |                                                       | 19/3/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
|    |                                                       | 07/4/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
|    |                                                       | 25/4/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
| 33 | Trương Thị Kim P (P Ph), SN: 1970 ở Thành Đức, P, N   | 2020       | 5.000.000  | 240 | 350.000   |
| 34 | Bùi Thị T7 (T7)                                       | 24/12/2020 | 3.000.000  | 300 | 560.000   |

|    |                                                           |            |            |     |           |
|----|-----------------------------------------------------------|------------|------------|-----|-----------|
|    | SN: 1977 ở Nhuận Đức, P, N                                | 17/12/2020 | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           | 03/1/2021  | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           | 21/1/2021  | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           | 25/2/2021  | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           | 17/3/2021  | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           | 07/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 483.333   |
|    |                                                           |            |            |     |           |
| 35 | Đinh Thị Mỹ D (Đinh Thị Thắm), SN: 1987 ở Thành Đức, P, N | 1/2021     | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
|    |                                                           | 2/2021     | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
|    |                                                           | 3/2021     | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
|    |                                                           | 31/5/2021  | 5.000.000  | 300 | 558.333   |
| 36 | PH Thị L (H ph)<br>SN: 1974 ở Hữu Đức, P, N               | 1/2021     | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           |            | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           | 2/2021     | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           |            | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           | 6/2021     | 10.000.000 | 180 | 577.778   |
| 37 | Huỳnh Trần Ngọc T8(Thức pd)<br>SN: 1983 ở Mông Đức, P, N  | 10/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 433.333   |
| 38 | Hải Thị Ngọc S (S, S Ph) SN: 1978 ở Thành Đức, P, N       | 29/11/2020 | 10.000.000 | 180 | 1.777.778 |
|    |                                                           | 29/12/2020 | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 16/1/2021  | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 31/1/2021  | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 01/3/2021  | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 07/3/2021  | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 04/4/2021  | 5.000.000  | 180 | 638.889   |
| 39 | Nguyễn Thị Mỹ H3 (H3 Pd) SN: 1981 ở KP1, TT P1, N         | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 12/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 716.667   |
| 40 | Nguyễn Thị Bích H4 (Ngân tóc) SN: 1990 ở KP2, TT P1, N    | 04/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 316.667   |
| 41 | Lê Thị Hồng V (Kiều Nướng), SN: 1972 ở KP2, TT P1, N      | 03/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 350.000   |
| 42 | Trương Thị T, SN: 1968 ở KP3, TT P1, N                    | 2/2021     | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
| 43 | Phú Thị C, SN: 1970 ở KP6, TT P1, N                       | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
| 44 | Châu Thị C2 (T3)<br>SN: 1978 ở T1 Đức, P, N               | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 4/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 4/2021     | 5.000.000  | 240 | 516.667   |
| 45 | Đạt Thị T9 (T9 Bt)<br>SN: 1974 ở KP7, TT P1, N            | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 4/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 4/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 22/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 983.333   |
|    |                                                           | 28/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 750.000   |
| 46 | Đạt Thị Hồng R (R), SN: 1982 ở K.P7, TT P1, N             | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 16/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 150.000   |
| 47 | Hán Thị Kim K, SN: 1980 ở T1 Đức, P, N                    | 14/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 16.667    |
| 48 | Dương Thị Thùy U, SN: 1988 ở KP2, TT P1, N                | 4/2021     | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 5/2021     | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 06/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 600.000   |

|    |                                                           |            |           |     |           |
|----|-----------------------------------------------------------|------------|-----------|-----|-----------|
| 49 | Đỗ Thị L, SN: 1969 ở KP5, TT P1, N                        | 05/6/2021  | 5.000.000 | 240 | 316.667   |
| 50 | Nguyễn Thị P (P nb), SN: 1973 ở N, P2, N                  | 3/2021     | 3.000.000 | 300 | 560.000   |
|    |                                                           |            | 3.000.000 | 300 | 335.000   |
| 51 | Quảng Thị H, SN: 1974 ở N, P2, N                          | 01/4/2021  | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 28/4/2021  | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 5/2021     | 5.000.000 | 300 | 808.333   |
| 52 | Đổng Thị Mộng T11 (Mít nb)<br>SN: 1976 ở N, P2, N         | 25/5/2021  | 5.000.000 | 300 | 1.016.667 |
| 53 | Trương Như A, SN: 1977 ở N, P2, N                         | 5/2021     | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 6/2021     | 5.000.000 | 300 | 641.667   |
| 54 | Lưu Quang Hồng T12 (T12 ht)<br>SN: 1978 ở H, P2, N        | 01/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 808.333   |
|    |                                                           | 06/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 600.000   |
| 55 | Lưu Thị L (L ht), SN: 1970 ở H, P2, N                     | 20/5/2021  | 3.000.000 | 300 | 485.000   |
| 56 | Ngô Thị T11 (T11 pt),<br>SN: 1972 ở T, P2, N              | 15/3/2021  | 3.000.000 | 300 | 710.000   |
|    |                                                           | 03/4/2021  | 3.000.000 | 300 | 710.000   |
|    |                                                           | 18/5/2021  | 3.000.000 | 300 | 710.000   |
|    |                                                           | 01/6/2021  | 3.000.000 | 300 | 485.000   |
| 57 | Nguyễn Thị G (Gái pt), SN: 1965 ở Đ, P2, N                | 08/6/2021  | 3.000.000 | 300 | 310.000   |
| 58 | Võ Thị S1 (Sang pt)<br>SN: 1966 ở T, P2, N                | 02/6/2021  | 5.000.000 | 240 | 616.667   |
|    |                                                           | 08/6/2021  | 5.000.000 | 240 | 383.333   |
|    |                                                           | 09/6/2021  | 5.000.000 | 240 | 383.333   |
| 59 | Hứa Thị D, SN: 1974 ở P, P3, N                            | 29/12/2020 | 4.000.000 | 300 | 946.667   |
|    |                                                           | 2021       | 4.000.000 | 300 | 646.667   |
| 60 | Trần Thị Kim L (L pn), SN: 1983 ở P, P3, N                | 9/2020     | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 08/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 558.333   |
| 61 | Châu Thị Ngọc T13, SN: 1978 ở P, P3, N                    | 18/12/2020 | 4.000.000 | 300 | 946.667   |
| 62 | Đàng Thị S3 (Sung), SN: 1994 ở H, P4, N                   | 11/2020    | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 04/12/2020 | 5.000.000 | 300 | 391.667   |
| 63 | Lưu Thị G, SN: 1961 ở H, P4, N                            | 11/2020    | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 22/11/2020 | 5.000.000 | 300 | 683.333   |
| 64 | Đạt Thị Kim T14 (T14 HL)<br>SN: 1980 ở H, P4, N           | 14/12/2020 | 2.000.000 | 300 | 473.333   |
|    |                                                           | 03/1/2021  | 2.000.000 | 300 | 473.333   |
|    |                                                           | 20/1/2021  | 2.000.000 | 300 | 256.667   |
|    |                                                           | 25/12/2020 | 2.000.000 | 300 | 473.333   |
|    |                                                           | 11/1/2021  | 2.000.000 | 300 | 473.333   |
|    |                                                           | 03/2/2021  | 2.000.000 | 300 | 256.667   |
| 65 | Kiều Thị Lệ N, SN: 1991 ở P, P3, N                        | 11/2020    | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           |            | 5.000.000 | 300 | 683.333   |
| 66 | Phạm Thị S T8(thu ba),<br>SN: 1971 ở KP2, Bảo An, TP PRTC | 12/2020    | 3.000.000 | 300 | 635.000   |
| 67 | Nguyễn Thị Hồng V (V ht)<br>SN: 1996 ở H, A, N            | 5/2021     | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 06/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 516.667   |
| 68 | Nguyễn Thị J G (Gioan ht, Doan HT),                       | 5/2021     | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |

|    |                                                                 |            |               |     |             |
|----|-----------------------------------------------------------------|------------|---------------|-----|-------------|
|    | SN: 1995 ở H, An Hải, N                                         | 04/6/2021  | 5.000.000     | 300 | 641.667     |
|    |                                                                 | 09/6/2021  | 2.000.000     | 300 | 190.000     |
| 69 | Trương Thị H (Hào ht)<br>SN: 1976 ở H, A, N                     | 13/6/2021  | 5.000.000     | 300 | 350.000     |
| 70 | Kiều Thị Kim A (Kim Anh t tú)<br>SN: 1990 ở T, A, N             | 4/2021     | 2.000.000     | 300 | 473.333     |
|    |                                                                 | 5/2021     | 5.000.000     | 300 | 1.183.333   |
|    |                                                                 | 05/6/2021  | 5.000.000     | 300 | 558.333     |
| 71 | Đặng Thị Thùy D (Dương NQ) SN:<br>1968 ở KP2, Đ, TP PRTC        | 24/12/2020 | 5.000.000     | 240 | 1.116.667   |
|    |                                                                 | 12/1/2021  | 5.000.000     | 240 | 1.116.667   |
|    |                                                                 | 28/2/2021  | 5.000.000     | 240 | 783.333     |
| 72 | Đặng Thị Mộng H7 (Huy NQ)<br>SN: 1966 ở KP2, Đ, TP PRTC         |            | 4.000.000     | 300 | 946.667     |
| 73 | Trần Thị D1 (Dư vts)<br>SN: 1966 ở KP6, Kinh Dinh, Tp PRTC      | 15/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                                 | 29/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                                 | 10/4/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                                 | 29/4/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                                 | 12/6/2021  | 3.000.000     | 300 | 235.000     |
| 74 | Nguyễn Thị Mỹ C4 (Mỹ chi)<br>SN: 1991 ở KP2, Thanh Sơn, TP PRTC | 4/2021     | 7.000.000     | 300 | 1.656.667   |
|    |                                                                 | 5/2021     | 7.000.000     | 300 | 1.656.667   |
|    |                                                                 | 24/5/2021  | 7.000.000     | 300 | 1.073.333   |
| 75 | Nguyễn Thị N (Nhàn b mi)<br>SN: 1954 ở KP1, Phù Hà, TP PRTC     | 05/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 560.000     |
|    |                                                                 | 17/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 560.000     |
|    |                                                                 | 29/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 135.000     |
| 76 | Châu Đình Diễm L6 (Diễm lệ)<br>SN: 1970 ở KP2, Phù Hà, TP PRTC  | 18/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                                 | 29/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 110.000     |
|    | Tổng cộng:                                                      |            | 1.161.500.000 |     | 207.605.556 |

- Trần X T quản lý 14 người vay, tổng số tiền cho vay là 428.500.000 đồng, thu lợi bất chính 80.181.680 đồng.

- Trần Đình T1 quản lý 35 người vay, tổng số tiền cho vay là 478.000.000 đồng, thu lợi bất chính 81.898.886 đồng.

- Lù Văn C quản lý 17 người vay, tổng số tiền cho vay là 146.000.000 đồng, thu lợi bất chính 25.744.990 đồng.

- La Văn L quản lý 10 người vay, tổng số tiền cho vay là 109.000.000 đồng, thu lợi bất chính 19.780.000 đồng.

Sau khi bị Cơ quan Công an phát hiện hành vi cho vay lãi nặng, T và đồng bọn vẫn tiếp tục thu tiền góp của người vay tiền.

- Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ và xử lý như sau:

a. Thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Trần X T:

+ Số tiền 6.000.000 đồng; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 061113480 tên Vũ Thị Thiên N2; 01 (một) thẻ ngân hàng VpBank tên Vũ Thị Thiên N2, số thẻ: 9704320875919898; 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV tên Vũ Thị Thiên N2, số thẻ: 9704180000010660298; 01 (một) thẻ ngân hàng VpBank tên Vũ Thị Thiên N2, số thẻ: 5203996746401077; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số Imei: 352978090421745, bên trong gắn sim số: 0853734614; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, số Imei: 353902105681282, bên trong gắn sim số: 0378254355; 01 (một) cục sạc điện thoại. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Vũ Thị Thiên N2 (Sinh năm: 2001, trú tại: Thôn Linh Đức, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái) không L quan đến hành vi phạm tội của Trần X T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả cho chị Nga là có căn cứ.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số 000363 mang tên Trần X T; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 060962550 tên Trần X T; 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank tên Trần X T, số thẻ: 4221498679146952; 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV tên Trần X T, số thẻ: 5119570421206102. Quá trình điều tra xác định đây là những đồ vật Trần X T không sử dụng vào mục đích phạm tội nên đề nghị trả lại cho Trần X T.

+ 01 (một) điện T5i di động hiệu Nokia, số Imei 1: 352884107071293, số Imei 2: 352884107571292, bên trong gắn sim số: 0917749826; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, số Imei: 353854132818660, bên trong gắn sim số 0931163666; 01 (một) cục sạc điện thoại; 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ hiệu Asia, 01 (một) nón bảo hiểm hiệu Trí Liễu. Quá trình điều tra xác định đây là điện thoại của T sử dụng vào mục đích phạm tội và 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ hiệu Asia, 01 (một) nón bảo hiểm hiệu Trí Liễu nhưng T không yêu C2 nhận lại nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 79N2-501.70, số máy: JF63E2175171, số khung: RLHJF6328HZ145734; 01 (một) chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 094015 tên chủ xe Phạm C T7, biển số xe đăng ký: 79N2-501.70. Quá trình điều tra xác định xe mô tô 79N2-501.70 do anh Phạm C T7, trú tại: 39/10/B Hoàng D, Vĩnh Nguyên, Nha T4, Khánh Hòa đứng tên mua trên giấy đăng ký xe mô tô giúp Trần X T. Quá trình điều tra xác định đây là xe mô tô của T dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Hiện số vật chứng trên đang bảo quản tại Kho vật chứng Công an huyện N.

+ 01 (một) hợp đồng ủy quyền quản lý sử dụng nhà ở ngày 05/10/2021 có chữ ký của Trần X T và Lê Thị Phà Ca; 01 (một) hợp đồng thuê nhà ngày 05/10/2021 có chữ ký của Trần X T và Lê Thị Phà Ca; 01 (một) biên bản bàn giao tài sản có chữ ký của Trần X T và Hoàng Thị Yến; 01 (một) hợp đồng thuê nhà Trần X T và Nguyễn Thị Liễu lập ngày 10/01/2021 căn hộ C4-10. Quá trình điều tra xác định đây là những vật chứng L quan đến việc thuê chỗ ở để hoạt động vay lãi nặng nên đưa vào hồ sơ vụ án để phục vụ công tác truy tố, xét xử là có căn cứ.

*b. Thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Trần Đình T1:*

+ 01 (một) thẻ ATM Agribank, số thẻ: 9704050997369694 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM BIDV, số thẻ: 5119570463784107 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM MB, số thẻ: 9704222041803594 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM Techcombank, số thẻ: 4221498662475251 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) ví da màu nâu đen, kích thước (9x12)cm, bên trong không có đồ vật, tài liệu. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Trần Đình T1 không dùng vào mục đích phạm tội nên đề nghị trả lại Trần Đình T1.

Số tiền: 1.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số Imei: 35676984639988; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 351288851354700, bên trong gắn sim số: 07834061663; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 352415901428627; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 86369305266080801, bên trong gắn sim số: 0786406028. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Trần Đình T1 sử dụng vào mục đích phạm tội và số tiền 1.000.000 đồng trên do phạm tội mà có nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Hiện số vật chứng trên đang quản tại Kho vật chứng Công

an huyện N, riêng số tiền trên đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Công an huyện N mở tại Kho bạc nhà nước huyện N.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Wave Alpha màu đen, biển số: 85B1-678.51, số máy: JA39E0811951, số khung: RLHJA3906HY831800; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 046486, biển số đăng ký: 85B1-678.51, tên chủ xe: Trần Văn P; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số: 79V1-340.26, số máy: JA39E0149869, số khung: RLHJA3903HY149814. Đây là xe mô tô T1 mua lại của trung T3 xe máy Nhật Hoàng do anh Đỗ Giang Hường, sinh năm: 1974, trú tại: Số 75A đường 21/8, khu phố 1, phường Phú Hà, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nhưng hiện nay chưa làm việc được với anh P để xác định việc mua bán xe của anh P và anh Hường nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau.

+ Đối với 397 (ba trăm chín mươi bảy) card visit màu trắng in chữ “cho vay trả góp” và số điện thoại 0917749826. Quá trình điều tra xác định đây là giấy tờ L quan đến hoạt động vay nặng lãi, tịch thu tiêu hủy.

+ 02 (hai) tờ giấy biên nhận bán xe cửa hàng xe máy Rin ghi tên Trần Đình T1; 01 (một) tờ giấy biên nhận bán xe cửa hàng xe máy Nhật Hoàng ghi tên Trần Đình T1; 01 (một) tờ giấy biên nhận bán xe cửa hàng xe máy Bé ghi tên Hán Đạo Anh Cốp Sừ; 01 (một) hợp đồng mua bán xe mô tô cửa hàng xe máy Sao ghi tên Nguyễn Thành Sao và Đặng Quang Ngọc; 01 (một) tờ giấy kê ngang có ghi chữ và số, có chữ kí xác nhận của Trần Đình T1; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô tên Huỳnh Cao Đại, biển số xe: 79V1-340.26; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 264161561 mang tên Trương Thị H6; 01 (một) bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 264446300 mang tên Giai Thị Thanh T; 01 (một) bản phô tô sổ hộ khẩu số 440021856, chủ hộ Giai Thị Thanh T; 01 (một) bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 264086120 mang tên Nguyễn Thị P; 01 (một) bản phô tô sổ hộ khẩu số 440050921, chủ hộ Trần X L; 05 (năm) tờ giấy in hình người phụ nữ ghi tên Chung; 07 (bảy) tờ giấy in hình người phụ nữ ghi tên X; 10 (mười) tờ giấy in hình người phụ nữ ghi tên Điệp. Quá trình điều tra xác định đây là những tài liệu L quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên đưa vào hồ sơ vụ án để phục vụ công tác truy tố, xét xử là có căn cứ.

+ 01 (một) thẻ ATM Vietcombank, số thẻ: 9704368621525479017 tên LU VAN CHIEN. Quá trình điều tra xác định C không sử dụng vào mục đích phạm tội nên đề nghị trả lại Lù Văn C là có căn cứ.

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 869112057035167/01; 01 điện thoại Nokia, số seri: 352415908732369, bên trong gắn sim số 0818601736. Quá trình điều tra xác định đây là điện thoại của Lù Văn C dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ 01 điện thoại Nokia, số seri: 352415901428627; 01 điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 86369305266080801, bên trong gắn sim số 0786406028. Quá trình điều tra xác định đây là điện thoại của La Văn L dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 264200217 mang tên Lê Thị Thu Thủy; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 264419224 mang tên Nguyễn Thị Thùy T4; 01 (một) sổ hộ khẩu số 440191446, chủ hộ Ngô Thị Thanh Thủy; 01 (một) sổ hộ khẩu số 440114292, chủ hộ Lâm Gia Thịnh; 01 (một) thẻ ATM Agirbank, số thẻ: 9704050874810349 tên PHẠM VAN BA. Quá trình điều tra

chưa làm việc được với những người có nhân thân, lai lịch trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu đen-đỏ, biển số: 64D1-212.97, số máy: JA31E0146197, số khung: RLHJA3104EY044903 do anh Giang Phát Lợi làm chủ sở hữu. Qua điều tra xác định xe máy trên do Trần Đình T1 mượn được một người tên Đạt tuy nhiên chưa làm việc được với một người tên Đạt, anh Giang Phát Lợi nên khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau.

+01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số: 79V1-340.26, số máy: JA39E0149869, số khung: RLHJA3903HY149814. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Huỳnh Cao Đại, sinh năm: 1995, trú tại: T1 Phước Tây, Vạn Phước, Vạn Ninh, Khánh Hòa bán cho cửa hàng xe máy Sao do anh Nguyễn Thanh Sao, địa chỉ: số 623 đường Lê Hồng Phong, thành phố Nha T4, tỉnh Khánh Hòa. Anh Sao bán lại cho Đặng Quang Ngọc vào ngày 06/4/2019. Hiện nay chưa làm việc được với anh Ngọc và anh Sao nên đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

-Về dân sự:

Đối với số tiền: 207.605.556 đồng là tiền T thu lợi bất chính, trong đó: thì có 17 người vay yêu C2 T trả lại số tiền 40.556.667 đồng và có 40 người/119.183.237 đồng không yêu C2 T hoàn trả lại số tiền trên đề nghị tuyên buộc T nộp sung quỹ Nhà nước tổng số tiền 159.739.904 đồng. Riêng 19 người/47.771.665 đồng chưa có yêu C2 khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với số tiền thu lãi hợp pháp 18.329.444 đồng Trần X T thu được từ việc cho vay lãi nặng đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với Trần Đình T1, Lù Văn C, La Văn L giúp sức cho bị cáo Trần X T thu tiền góp hàng ngày theo danh sách theo dõi và tìm khách hàng cho vay về báo cáo cho T biết rồi tổng hợp thu tiền mỗi ngày về giao cho T, không bỏ tiền cho vay, không trực tiếp hưởng lợi từ hoạt động cho vay, chịu sự chỉ đạo của Trần X T và được trả tiền công và thưởng hàng tháng nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm.

Trong quá trình điều tra, anh Đỗ Hải N3 (Sinh năm: 1984, trú tại: Tổ 6, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái) đã T mặt các bị can nộp khắc phục cho Trần X T, số tiền: 5.000.000 đồng, Trần Đình T1, số tiền: 1.000.000 đồng, Lù Văn C, số tiền: 1.000.000 đồng, La Văn L, số tiền: 1.000.000 đồng. Anh Ninh không yêu C2 các bị can T, T1, C, L hoàn trả lại số tiền trên nên không xem xét đến. Số tiền trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

\* Đối với số tiền 800.000.000 đồng Trần X T khai nhận đã sử dụng làm P tiện thực hiện hành vi phạm tội, căn cứ vào tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án xác định hiện nay những người vay đang còn giữ của T cụ thể như sau:

- Trong 76 người đã xác minh làm việc được có 70 người hiện nay đang giữ tổng số tiền 226.985.000 đồng là tiền gốc của T chưa trả hết cụ thể: Đặng Thị P, số tiền: 2.550.000 đồng; Nguyễn Thị Phước T số tiền: 3.200.000 đồng; Phạm Thị H, số tiền: 6.516.667 đồng; Đặng Thị X T, số tiền: 4.600.000 đồng; Phạm Thị H, số tiền: 6.226.667 đồng; Đặng Thị P, số tiền: 3.133.333 đồng; Võ Thị M, số tiền: 3.633.333 đồng; Phạm K, số tiền: 3.800.000 đồng; Trần Thị N, số tiền: 6.433.334 đồng; Nguyễn Thị Hồng P, số tiền: 5.933.333 đồng; Lê Thị Thanh T2,

số tiền: 1.580.000 đồng; Lê Anh H, số tiền: 18.533.333 đồng; Phan Thị T3, số tiền: 5.433.333 đồng; Nguyễn Thị Hồng T4, số tiền: 380.000 đồng; Châu Thị X, số tiền: 1.625.000 đồng; Đảng Nữ Thị Quốc N, số tiền: 4.600.000 đồng; Hồ Thị Kim T4, số tiền: 1.833.333 đồng; Nguyễn Thị C, số tiền: 1.600.000 đồng; Lương Thị Hoàng O, số tiền: 2.583.333 đồng; Đào Thị H số tiền: 5.100.000 đồng ; Đảng Nữ Thu N, số tiền: 4.300.000 đồng; Đảng Thị Thu H, số tiền: 3.166.667 đồng; Đảng Thị L, số tiền: 2.250.000 đồng; Châu Thị H2, số tiền: 2.458.333 đồng; Huỳnh Hứa Thị Minh P, số tiền: 1.041.667 đồng; Đảng Thị Hồng T5, số tiền: 1.966.667 đồng; Nguyễn Thị Thu T6, số tiền: 1.875.000 đồng; Cao Thị M, số tiền: 4.375.000 đồng; Tô Thị L, số tiền: 3.916.667 đồng; Nguyễn Thị Q, số tiền: 3.966.667 đồng; Trương Thị Kim P, số tiền: 3.633.333 đồng; Bùi Thị T7, số tiền: 2.166.667 đồng; Đinh Thị Thắm, số tiền: 1.875.000 đồng; PH Thị L, số tiền: 6.000.000 đồng; Huỳnh Trần Ngọc Thư, số tiền: 3.500.000 đồng; Hải Thị Ngọc S, số tiền: 1.250.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H3, số tiền: 1.800.000 đồng; Nguyễn Thị Bích H4, số tiền: 3.000.000 đồng; Lê Thị Hồng V, số tiền: 2.833.333 đồng; Châu Thị C2, số tiền: 2.800.000 đồng; Đạt Thị T9, số tiền: 2.100.000 đồng; Đạt Thị Hồng R, số tiền: 4.633.333 đồng; Hán Thị Kim K, số tiền: 4.500.000 đồng; Dương Thị Thùy U, số tiền: 2.666.667 đồng; Đỗ Thị L, số tiền: 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị P, số tiền: 1.125.000 đồng; Quảng Thị H, số tiền: 1.625.000 đồng; Đồng Thị Mộng T11, số tiền: 583.333 đồng; Trương Như A, số tiền: 2.458.333 đồng; Lưu Quang Hồng T12, số tiền: 4.291.667 đồng; Lưu Thị L, số tiền: 975.000 đồng; Ngô Thị T11, số tiền: 975.000 đồng; Nguyễn Thị G, số tiền: 1.850.000 đồng; Võ Thị S1, số tiền: 9.233.334 đồng; Hứa Thị D, số tiền: 1.300.000 đồng; Trần Thị Kim L, số tiền: 2.875.000 đồng; Đảng Thị S3, số tiền: 3.708.333 đồng; Lưu Thị G, số tiền: 2.250.000 đồng; Đạt Thị Kim T14, số tiền: 1.966.666 đồng; Kiều Thị Lệ N, số tiền: 2.250.000 đồng; Phạm Thị S, số tiền: 225.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng V, số tiền: 3.083.333 đồng, Nguyễn Thị J G, số tiền: 3.775.000 đồng; Trương Thị H6, số tiền: 3.916.667 đồng; Kiều Thị Kim A, số tiền: 2.875.000 đồng; Đặng Thị Thùy D, số tiền: 1.466.667 đồng; Trần Thị D1, số tiền: 2.225.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ C4, số tiền: 2.566.667 đồng; Nguyễn Thị N, số tiền: 2.125.000 đồng; Châu Đình Diễm L6, số tiền: 2.850.000 đồng. Đây là tiền Trần X T dùng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội cho những người vay trên để hưởng lợi bất chính nên đề nghị 70 người trên nộp sung quỹ Nhà nước.

- Trong quá trình điều tra trong tổng số 76 người đã làm việc được thì có 17 người vay T đã hưởng lợi bất chính 40.556.667 đồng yêu C2 Trần X T trả lại số tiền trên cụ thể gồm: Bà Huỳnh Hứa Thị Minh P, số tiền: 725.000 đồng; Bà Phú Thị C1, số tiền: 1.116.667 đồng; Bà Đỗ Thị L, số tiền: 316.667 đồng; Bà Đảng Nữ Thu N, số tiền: 216.667 đồng; Bà Đảng Thị Thu H, số tiền: 283.333 đồng; Bà Trương Thị Kim P, số tiền: 350.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Phước T, số tiền: 4.325.000 đồng; Bà Ngô Thị T11, số tiền: 2.615.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Hồng T4, số tiền: 1.240.000 đồng; Bà Hứa Thị D, số tiền: 1.593.333 đồng; Bà Lưu Thị G, số tiền: 1.866.667 đồng; Bà Đảng Thị S3, số tiền: 1.575.000 đồng; Bà Đảng Thị Mỹ Hồng T5, số tiền: 6.466.667 đồng; Bà Châu Thị X, số tiền: 4.358.333 đồng; Bà Châu Thị H2, số tiền: 4.191.667 đồng; Bà Đạt Thị T9, số tiền: 5.083.333 đồng; Bà Đảng Thị L, số tiền: 4.233.333 đồng.

- Trong số 76 người vay thì có 40 người vay của T không yêu C2 hoàn trả tiền thu lợi bất chính tổng số tiền: 119.183.237 đồng, cụ thể: Đặng Thị P, số tiền: 566.667 đồng; Phạm Thị H, số tiền: 15.366.671 đồng; Phạm Thị H, số tiền: 900.000 đồng; Đặng Thị P, số tiền: 7.476.668 đồng; Võ Thị M, số tiền: 6.260.000 đồng; Phạm K, số tiền: 1.433.334 đồng; Trần Thị N, số tiền: 16.500.004 đồng; Nguyễn Thị Hồng P, số tiền: 966.667 đồng; Lê Thị Thanh T2, số tiền: 5.020.000 đồng; Phan Thị T3, số tiền: 5.533.335 đồng; Hồ Thị Kim T4, số tiền: 766.667 đồng; Nguyễn Thị C, số tiền: 4.066.666 đồng; Lương Thị Hoàng O, số tiền: 616.667 đồng; Đào Thị H, số tiền: 1.133.334 đồng; Tô Thị L, số tiền: 2.712.666 đồng; Nguyễn Thị Q, số tiền: 1.400.000 đồng; Đạo Thị Nhị, số tiền: 3.350.000 đồng; Đinh Thị Thắm, số tiền: 3.358.332 đồng; PH Thị L, số tiền: 4.244.446 đồng; Huỳnh Trần Ngọc Thư, số tiền: 433.333 đồng; Hải Thị Ngọc S, số tiền: 6.861.112 đồng; Châu Thị C2, số tiền: 2.750.001 đồng; Đạt Thị Hồng R, số tiền: 1.266.667 đồng; Hán Thị Kim K, số tiền: 16.667 đồng; Nguyễn Thị P, số tiền: 895.000 đồng; Đồng Thị Mộng T11, số tiền: 1.016.667 đồng; Trương Như A, số tiền: 1.825.000 đồng; Lưu Thị L, số tiền: 485.000 đồng; Võ Thị S1, số tiền: 1.383.333 đồng; Trần Thị Kim L, số tiền: 1.741.666 đồng; Châu Thị Ngọc T13, số tiền: 946.667 đồng; Đạt Thị Kim T14, số tiền: 2.406.666 đồng; Kiều Thị Lệ N, số tiền: 1.866.666 đồng; Phạm Thị S, số tiền: 635.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng V, số tiền: 1.700.000 đồng; Nguyễn Thị J G, số tiền: 2.015.000 đồng; Trương Thị H6, số tiền: 350.000 đồng; Trần Thị D1, số tiền: 3.075.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ C4, số tiền: 4.386.667 đồng; Nguyễn Thị N, số tiền: 1.255.000 đồng. Quá trình điều tra xác định những người trên không yêu C2 T hoàn trả lại số tiền trên, nên buộc Trần X T phải nộp sung quỹ Nhà nước.

- Trong 76 người thì có 19 người vay T hưởng lợi bất chính với tổng số tiền: 47.771.665 đồng hiện nay chưa có yêu C2, cụ thể: Đặng Thị X T, số tiền: 1.233.334 đồng; Lê Anh H, số tiền: 14.000.000 đồng; Đảng Nữ Quốc N, số tiền: 6.883.332 đồng; Nguyễn Thị Thu H1, số tiền: 933.333 đồng; Nguyễn Thị Thu T6, số tiền: 558.333 đồng; Cao Thị M, số tiền: 991.666 đồng; Bùi Thị T7, số tiền: 5.626.668 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H3, số tiền: 1.833.334 đồng; Nguyễn Thị Bích H4, số tiền: 316.667 đồng; Lê Thị Hồng V, số tiền: 350.000 đồng; Trương Thị T9, số tiền: 916.667 đồng; Dương Thị Thùy U, số tiền: 2.366.666 đồng; Quảng Thị H, số tiền: 3.044.999 đồng; Lưu Quang Hồng T12, số tiền: 1.408.333 đồng; Nguyễn Thị G, số tiền: 310.000 đồng; Kiều Thị Kim A, số tiền: 2.214.999 đồng; Đặng Thị Thùy D, số tiền: 3.016.667 đồng; Đặng Thị Mộng H7, số tiền: 946.667 đồng; Châu Đình Diễm L6, số tiền: 820.000 đồng. Quá trình điều tra những người trên chưa yêu C2 T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính nên khi nào người vay có yêu C2 đề nghị khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Trong quá trình điều tra khai thác dữ liệu trích xuất từ điện thoại của Trần X T và phần mềm “T4 tính” do T quản lý cùng các tài liệu, chứng cứ khác xác định ngoài 76 người vay đã nêu trên còn có trên 245 người đã vay số tiền 557.675.000 đồng tiền gốc còn lại của T. Tuy nhiên đến nay T, T1, C, L không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể, không có căn cứ xác định được nhân thân lai lịch để làm việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra ra thông báo truy tìm và tiếp tục xác minh, khi nào làm việc được có căn cứ xử lý sau.

Đối với bà Nguyễn Thị Liễu (Sinh năm: 1983, trú tại: Thôn Nha Hố 1, xã Nhơn Sơn, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) chủ sở hữu căn hộ C4- Tầng 10 chung cư

Phú Thịnh và bà Đoàn Thị Hải Yến (*Sinh năm: 1963, trú tại: Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*) là chủ sở hữu căn hộ F1- Tầng 6 chung cư Phú Thịnh cho Trần X T thuê ở. Quá trình điều tra xác định bà Liễu và bà Yến không biết T sử dụng căn hộ của mình thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với bà Yến và bà Liễu là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm: 1990, trú tại: Khu phố j, phường T, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm; Ngô Thị Thu T4, sinh năm: 1971, trú tại: Thôn Phước Khánh, xã P3, huyện N; Trương Thị Hoàng O, sinh năm: 1982 và Nguyễn Thị Út, sinh năm: 1963 cùng trú tại: Thôn Hữu Đức, xã P, huyện N khai có vay của nhóm Trần X T. Tuy nhiên T, L, C, T1 không thừa nhận. Mặt khác không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không xử lý T, L, C, T1 trong những trường hợp này là có căn cứ.

Đối với biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị V H, sinh năm: 1970, trú tại Khu phố n, phường Bảo An, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Thuận (PC02) lập ngày 21/6/2021: Qua kiểm tra biên bản không có chữ ký hoặc lấn tay, điểm chỉ của người khai mà do người có tên Phạm Thị Thùy Nhung ký tên vào phần người khai nên không đảm bảo tính hợp pháp của chứng cứ. Mặt khác qua xác minh bà Nguyễn Thị V H không có mặt tại địa P nên Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh khi nào làm việc được sẽ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với người tên T12, Thành, Dung (*không rõ nhân thân lai lịch*) thu tiền cho vay giúp cho bị can Trần X T nhưng hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với tố giác của bà Hải Thị Ngọc S tố cáo hành vi của một người tên Nguyễn Văn Sơn và Hoàng Ngọc Dũng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với bà S nhưng hiện nay tố giác L quan đến hành vi Nguyễn Văn Sơn và Hoàng Ngọc Dũng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thụ lý giải quyết trong vụ việc khác. Hiện nay đang tạm đình chỉ.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKS-HS ngày 29-11-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Trần X T, Trần Đình T1, Lù Văn C và La Văn L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại Pên toà các bị cáo Trần X T, Trần Đình T1, Lù Văn C và La Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng và không kêu oan, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại Pên toà, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần X T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị xử phạt bị cáo với mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Đình T1 phạm tội “Cho vay lãi nặng

trong giao dịch dân sự” và đề nghị xử phạt bị cáo với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lù Văn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị xử phạt bị cáo với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo La Văn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị xử phạt bị cáo với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 123, Điều 131; Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc:

- Trả cho Trần X T gồm: 01 (một) giấy phép lái xe số 000363 mang tên Trần X T; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 060962550 tên Trần X T; 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank tên Trần X T, số thẻ: 4221498679146952; 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV tên Trần X T, số thẻ: 5119570421206102.

- Trả lại cho Trần Đình T1 01 (một) thẻ ATM Agribank, số thẻ: 9704050997369694 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM BIDV, số thẻ: 5119570463784107 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM MB, số thẻ: 9704222041803594 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM Techcombank, số thẻ: 4221498662475251 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) ví da màu nâu đen, kích thước (9x 12)cm, bên trong không có đồ vật, tài liệu.

- Trả lại cho Lù Văn C 01 (một) thẻ ATM Vietcombank, số thẻ: 9704368621525479017 tên LU VAN CHIEN.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: 01 (một) điện T5i di động hiệu Nokia, số Imei 1: 352884107071293, số Imei 2: 352884107571292, bên trong gắn sim số: 0917749826; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, số Imei: 353854132818660, bên trong gắn sim số 0931163666; 01 (một) cục sạc điện thoại; 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ hiệu Asia, 01 (một) nón bảo hiểm hiệu Trí Liễu; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 79N2-501.70, số máy: JF63E2175171, số khung: RLHJF6328HZ145734; 01 (một) chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 094015 tên chủ xe Phạm C T7, biển số xe đăng ký: 79N2-501.70 của Trần X T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số Imei: 35676984639988; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 351288851354700, bên trong gắn sim số: 07834061663 của Trần Đình T1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 352415908732369, bên trong gắn sim số: 0818601736 của Lù Văn C; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 869112057035167/01, số thuê bao: 0783406683 của Lù Văn C; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 352415901428627; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 86369305266080801, bên trong gắn sim số: 0786406028 của La Văn L;

- Buộc Trần X T nộp sung quỹ Nhà nước số tiền lãi bất hợp pháp 18.329.444 đồng.

- Buộc 70 người hiện nay đang giữ tổng số tiền 226.985.000 đồng là tiền gốc của T chưa trả hết để sung quỹ Nhà nước, cụ thể: Đặng Thị P giữ số tiền

2.550.000 đồng; Nguyễn Thị Phước T giữ số tiền 3.200.000 đồng; Phạm Thị H giữ số tiền 6.516.667 đồng; Đặng Thị X T giữ số tiền 4.600.000 đồng; Phạm Thị H giữ số tiền 6.226.667 đồng; Đặng Thị P giữ số tiền 3.133.333 đồng; Võ Thị M giữ số tiền 3.633.333 đồng; Phạm K giữ số tiền 3.800.000 đồng; Trần Thị N giữ số tiền 6.433.334 đồng; Nguyễn Thị Hồng P giữ số tiền 5.933.333 đồng; Lê Thị Thanh T2 giữ số tiền 1.580.000 đồng; Lê Anh H giữ số tiền 18.533.333 đồng; Phan Thị T3 giữ số tiền 5.433.333 đồng; Nguyễn Thị Hồng T4 giữ số tiền 380.000 đồng; Châu Thị X giữ số tiền 1.625.000 đồng; Đảng Nữ Thị Quốc N giữ số tiền 4.600.000 đồng; Hồ Thị Kim T4 giữ số tiền 1.833.333 đồng; Nguyễn Thị C giữ số tiền 1.600.000 đồng; Lương Thị Hoàng O giữ số tiền 2.583.333 đồng; Đào Thị H giữ số tiền 5.100.000 đồng; Đảng Nữ Thu N giữ số tiền 4.300.000 đồng; Đảng Thị Thu H giữ số tiền: 3.166.667 đồng; Đảng Thị L giữ số tiền 2.250.000 đồng; Châu Thị H2 giữ số tiền 2.458.333 đồng; Huỳnh Hứa Thị Minh P giữ số tiền 1.041.667 đồng; Đảng Thị Hồng T5 giữ số tiền 1.966.667 đồng; Nguyễn Thị Thu T6 giữ số tiền 1.875.000 đồng; Cao Thị M giữ số tiền 4.375.000 đồng; Tô Thị L giữ số tiền 3.916.667 đồng; Nguyễn Thị Q giữ số tiền 3.966.667 đồng; Trương Thị Kim P giữ số tiền 3.633.333 đồng; Bùi Thị T7 giữ số tiền 2.166.667 đồng; Đinh Thị Thắm giữ số tiền 1.875.000 đồng; PH Thị L giữ số tiền 6.000.000 đồng; Huỳnh Trần Ngọc T8 giữ số tiền 3.500.000 đồng; Hải Thị Ngọc S giữ số tiền 1.250.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H3 giữ số tiền 1.800.000 đồng; Nguyễn Thị Bích H4 giữ số tiền 3.000.000 đồng; Lê Thị Hồng V giữ số tiền 2.833.333 đồng; Châu Thị C2 giữ số tiền 2.800.000 đồng; Đạt Thị T9 giữ số tiền 2.100.000 đồng; Đạt Thị Hồng R giữ số tiền 4.633.333 đồng; Hán Thị Kim K giữ số tiền 4.500.000 đồng; Dương Thị Thùy U giữ số tiền 2.666.667 đồng; Đỗ Thị L giữ số tiền 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị P giữ số tiền 1.125.000 đồng; Quảng Thị H giữ số tiền 1.625.000 đồng; Đồng Thị Mộng T11 giữ số tiền 583.333 đồng; Trương Như A giữ số tiền 2.458.333 đồng; Lưu Quang Hồng T12 giữ số tiền 4.291.667 đồng; Lưu Thị L giữ số tiền 975.000 đồng; Ngô Thị T11 giữ số tiền 975.000 đồng; Nguyễn Thị G giữ số tiền 1.850.000 đồng; Võ Thị S1 giữ số tiền 9.233.334 đồng; Hứa Thị D giữ số tiền 9.233.334 đồng; Trần Thị Kim L giữ số tiền 2.875.000 đồng; Đảng Thị S3 giữ số tiền 3.708.333 đồng; Lưu Thị G giữ số tiền 2.250.000 đồng; Đạt Thị Kim T14 giữ số tiền 1.966.666 đồng; Kiều Thị Lệ N giữ số tiền 2.250.000 đồng; Phạm Thị S T8 giữ số tiền 225.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng V giữ số tiền 3.083.333 đồng; Nguyễn Thị J G giữ số tiền 3.775.000 đồng; Trương Thị H6 giữ số tiền 3.916.667 đồng; Kiều Thị Kim A giữ số tiền 2.875.000 đồng; Đặng Thị Thùy D giữ số tiền 1.466.667 đồng; Trần Thị D1 giữ số tiền 2.225.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ C4 giữ số tiền 2.566.667 đồng; Nguyễn Thị N giữ số tiền 2.125.000 đồng; Châu Đình Diễm L6 giữ số tiền 2.850.000 đồng.

- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính 40.556.667 đồng cho 17 người vay có yêu C2 cụ thể gồm: Bà Huỳnh Hứa Thị Minh P số tiền 725.000 đồng; Bà Phú Thị C1 số tiền 1.116.667 đồng; Bà Đỗ Thị L số tiền 316.667 đồng; Bà Đảng Nữ Thu N số tiền 216.667 đồng; Bà Đảng Thị Thu H số tiền 283.333 đồng; Bà Trương Thị Kim P số tiền 350.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Phước T số tiền 4.325.000 đồng; Bà Ngô Thị T11 số tiền 2.615.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Hồng T4 số tiền 1.240.000 đồng; Bà Hứa Thị D số tiền 1.593.333 đồng; Bà Lưu Thị G số tiền 1.866.667 đồng; Bà Đảng Thị S3 số tiền 1.575.000 đồng; Bà Đảng

Thị Mỹ Hồng T5 số tiền 6.466.667 đồng; Bà Châu Thị X số tiền 4.358.333 đồng; Bà Châu Thị H2 số tiền 4.191.667 đồng; Bà Đạt Thị T9 số tiền 5.083.333 đồng; Bà Đảng Thị L số tiền 4.233.333 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền: 9.000.000 đồng (Trong đó: Trần X T số tiền 5.000.000 đồng; Trần Đình T1, số tiền 2.000.000 đồng; Lù Văn C, số tiền 1.000.000 đồng; La Văn L, số tiền 1.000.000 đồng) để đảm bảo thi hành án;

+ Tịch thu tiêu hủy gồm: 397 (Ba trăm chín mươi bảy) card visit màu trắng in chữ “Cho vay trả góp” và số điện thoại 0917749826;

Lời nói sau cùng: Tại Pên tòa, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan T9 hành tố tụng, người T9 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T9 hành tố tụng, người T9 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại Pên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan. Xét việc vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn T9 hành xét xử.

[3]. Về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo:

Xét lời khai của các bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ L quan tại cơ quan điều tra, cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại Pên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận như:

Đầu năm 2020, Trần X T dùng số tiền 800.000.000 đồng cùng Trần Đình T1, La Văn L, Lù Văn C thuê căn hộ tại chung cư P thuộc Khu phố o, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận để hoạt động cho vay nặng lãi. T là đối tượng cầm đầu, cung cấp tiền, trực tiếp chỉ đạo và giao cho T1, L, C quản lý việc cho vay, tìm thêm người vay mới. Nhiệm vụ của từng người trong nhóm được T phân công và trả lương cho T1 8.000.000 đồng/tháng, C và L 4.000.000 đồng/tháng/người, ngoài ra nếu tìm được người vay mới hoặc thu đủ được tiền của các con nợ thì sẽ được T cho tiền thưởng (gọi là tiền Phế), đồng thời T cung cấp P tiện cho T1, L, C để thực hiện việc cho vay. T vừa trực tiếp đi cho vay, thu tiền vừa quản lý hoạt động vay đối với T1, L, C thông qua phần mềm “T4 tính” do T quản lý được cài đặt trên điện thoại di động của T, T1, L, C. Nếu trường hợp người vay tiền trong nhóm không trả đúng hạn thì sẽ báo với T để phân công những người còn lại trong nhóm hỗ trợ đi thu tiền. Số tiền gốc và lãi thu được từ việc cho vay, T dùng để trả tiền thuê phòng ở, trả lương cho T1, L, C và chi phí ăn uống và sinh hoạt cho T, T1, L, C; phần còn lại T tiếp tục sử dụng làm tiền gốc cho người khác vay tiếp và thu lãi.

Cơ quan điều tra đã chứng minh, làm việc với 76 người vay tiền của nhóm Trần X T, xác định: tổng số tiền cho 76 người vay là 1.161.500.000 đồng, tiền lãi bất chính thu được 207.605.556 đồng, mức lãi suất từ 180%/năm đến 300%/năm. Cụ thể:

| STT | Họ và tên                                               | Ngày vay   | Số tiền vay (đồng) | Lãi suất (%năm) | Tiền thu lợi bất chính (đồng) |
|-----|---------------------------------------------------------|------------|--------------------|-----------------|-------------------------------|
| 1   | Đặng Thị P (P Mb),<br>SN: 1972 ở KP4, M, TP PRTC        | 05/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 566.667                       |
| 2   | Nguyễn Thị Phước T (T Mđ) SN: 1984<br>ở KP3, M, TP PRTC | 19/2/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         |            | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         |            | 5.000.000          | 240             | 583.333                       |
|     |                                                         | 24/2/2021  | 2.500.000          | 240             | 558.333                       |
|     |                                                         |            | 2.500.000          | 240             | 558.333                       |
|     |                                                         |            | 2.500.000          | 240             | 391.667                       |
| 3   | Phạm Thị H (H Mđ)<br>SN: 1973 ở KP3, M, TP PRTC         | 17/12/2020 | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 05/1/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 19/2/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 09/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 29/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 13/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 28/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 12/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 283.333                       |
|     |                                                         | 23/12/2020 | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 10/1/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 23/2/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 13/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 02/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 17/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 03/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 566.667                       |
| 4   | Đặng Thị X T (T ad)<br>SN: 1997 ở KP6, M, TP PRTC       | 29/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 616.667                       |
|     |                                                         | 15/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 616.667                       |
| 5   | Phạm Thị H (H ad)<br>SN: 1979 ở KP7, M, TP PRTC         | 3/2020     | 5.000.000          | 240             | 483.333                       |
|     |                                                         | 3/2020     | 5.000.000          | 240             | 416.667                       |
| 6   | Đặng Thị P (P ad)<br>SN: 1970 ở KP7, M, TP PRTC         | 18/12/2020 | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 19/12/2020 | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 24/12/2020 | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 02/1/2021  | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 19/2/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 12/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 05/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 21/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 04/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 450.000                       |
| 7   | Võ Thị M (M ad)<br>SN: 1970 ở KP7, M, TP PRTC           | 10/12/2020 | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 02/1/2021  | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 19/2/2021  | 3.000.000          | 200             | 640.000                       |
|     |                                                         | 15/3/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 05/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 26/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 01/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 350.000                       |
| 8   | Phạm K (K ad)<br>SN: 1971 ở KP7, M, TP PRTC             | 17/4/2021  | 5.000.000          | 240             | 1.116.667                     |
|     |                                                         | 04/6/2021  | 5.000.000          | 240             | 316.667                       |

|    |                                                                        |            |            |     |           |
|----|------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-----|-----------|
| 9  | Trần Thị N (N mđ)<br>SN: 1986 ở KP8, T, TP PRTC                        | 01/12/2020 | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        | 05/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 483.333   |
|    |                                                                        | 13/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 383.333   |
| 10 | Nguyễn Thị Hồng P (P mb) SN: 1977 ở KP4, M, TP PRTC                    | 05/6/2021  | 10.000.000 | 240 | 966.667   |
| 11 | Lê Thị Thanh T2 (T2 tt)<br>SN: 1972 ở Tri Thủy 1, Tri Hải, Ninh Hải    | 17/12/2020 | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 05/1/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 20/1/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 27/2/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 22/3/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 05/4/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 20/4/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 02/6/2021  | 3.000.000  | 240 | 330.000   |
|    |                                                                        | 2020       | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 14/12/2020 | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 19/4/2021  | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 15/6/2021  | 20.000.000 | 240 | 600.000   |
| 12 | Lê Anh H (H tt, H tri thủy) SN: 1975 ở Tri Thủy 2, Tri Hải, Ninh Hải   | 2020       | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 14/12/2020 | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 19/4/2021  | 20.000.000 | 240 | 4.466.667 |
|    |                                                                        | 15/6/2021  | 20.000.000 | 240 | 600.000   |
| 13 | Phan Thị T3 (T3 TA)<br>SN: 1978 ở T1 An, Tri Hải, Ninh Hải             | 15/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        | 20/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        |            | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                                        | 5/6/2021   | 5.000.000  | 240 | 616.667   |
|    |                                                                        | 10/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 450.000   |
| 14 | Nguyễn Thị Hồng T4 (T4 tt)<br>SN: 1978 ở Tri Thủy 1, Tri Hải, Ninh Hải | 20/2/2021  | 3.000.000  | 240 | 670.000   |
|    |                                                                        | 24/2/2021  | 3.000.000  | 240 | 570.000   |
| 15 | Châu Thị X (X bt)<br>SN: 1979 ở KP7, P1, N                             | 21/1/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                        | 17/2/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                        | 15/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                        | 29/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 808.333   |
| 16 | Đàng Nữ Thị Quốc N (N bt)<br>SN: 1975, KP7, TT P1, N                   | 11/1/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                        | 22/2/2021  | 10.000.000 | 240 | 2.233.333 |
|    |                                                                        | 25/3/2021  | 10.000.000 | 240 | 2.233.333 |
|    |                                                                        | 03/6/2021  | 10.000.000 | 240 | 1.233.333 |
| 17 | Hồ Thị Kim T4 (Trúc pd), SN: 1984 ở KP3, TT P1, N                      | 03/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 766.667   |
| 18 | Nguyễn Thị C (Bé pd), SN: 1974 ở                                       | 20/3/2021  | 10.000.000 | 240 | 2.233.333 |

|    |                                                       |            |            |     |           |
|----|-------------------------------------------------------|------------|------------|-----|-----------|
|    | KP4, TT P1, N                                         | 09/4/2021  | 10.000.000 | 240 | 1.833.333 |
| 19 | Lương Thị Hoàng O (Gái Bé), SN: 1977 ở KP3, TT P1, N  | 03/6/2021  | 3.000.000  | 300 | 460.000   |
|    |                                                       | 10/6/2021  | 2.000.000  | 300 | 156.667   |
| 20 | Đào Thị H (H cá), SN: 1976 ở KP1, TT P1, N            | 17/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 616.667   |
|    |                                                       | 31/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 516.667   |
| 21 | Đặng Nữ Thu N (N), SN: 1985 ở KP6, TT P1, N           | 14/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 216.667   |
| 22 | Đặng Thị Thu H (H Mn), SN: 1966 ở KP6, TT Phước       | 13/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 283.333   |
| 23 | Nguyễn Thị Thu H1 (H1 pd), SN: 1979 ở Kp4, TT P1, N   | 12/2020    | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
| 24 | Đặng Thị L (L BT)<br>SN: 1987 ở KP7, TT P1, N         | 17/1/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 24/2/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 09/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 27/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 683.333   |
| 25 | Châu Thị H2 (H2 bt)<br>SN: 1972 ở KP7, TT P1, N       | 19/3/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 01/4/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 17/4/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 30/5/2021  | 5.000.000  | 300 | 641.667   |
| 26 | Huỳnh Hứa Thị Minh P (P vs) SN: 1968 ở KP5, TT P1, N  | 25/5/2021  | 5.000.000  | 300 | 725.000   |
| 27 | Đặng Thị Mỹ Hồng T5 (T5 bt) SN: 1980 ở KP7, TT P1, N  | 11/1/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 18/2/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 22/2/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                       | 29/3/2021  | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                       | 15/4/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 31/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 683.333   |
| 28 | Nguyễn Thị Thu T6 (T6 pd)<br>SN: 1989 ở KP3, TT P1, N | 02/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 558.333   |
| 29 | Cao Thị M (M nướng), SN: 1981 ở KP3, TT P1, N         | 21/5/2021  | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
|    |                                                       | 14/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 58.333    |
| 30 | Tô Thị L, SN: 1966 ở Nhuận Đức, P, N                  | 12/2020    | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 1/2021     | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                       | 1/2021     | 5.000.000  | 300 | 350.000   |
| 31 | Nguyễn Thị Q, SN: 1960 ở Hữu Đức, P, N                | 10/2020    | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                       | 11/2020    | 5.000.000  | 240 | 283.333   |
| 32 | Đạo Thị Nhị (Nhị GV)<br>SN: 1979 ở T1 Đức, P, N       | 22/1/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
|    |                                                       | 26/2/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
|    |                                                       | 19/3/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
|    |                                                       | 07/4/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
|    |                                                       | 25/4/2021  | 3.000.000  | 300 | 710.000   |
| 33 | Trương Thị Kim P (P Ph), SN: 1970 ở Thành Đức, P, N   | 2020       | 5.000.000  | 240 | 350.000   |
| 34 | Bùi Thị T7 (T7)<br>SN: 1977 ở Nhuận Đức, P, N         | 24/12/2020 | 3.000.000  | 300 | 560.000   |
|    |                                                       | 17/12/2020 | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                       | 03/1/2021  | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                       | 21/1/2021  | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                       | 25/2/2021  | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                       | 17/3/2021  | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                       | 07/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 483.333   |

|    |                                                           |            |            |     |           |
|----|-----------------------------------------------------------|------------|------------|-----|-----------|
| 35 | Đinh Thị Mỹ D (Đinh Thị Thắm), SN: 1987 ở Thành Đức, P, N | 1/2021     | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
|    |                                                           | 2/2021     | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
|    |                                                           | 3/2021     | 5.000.000  | 300 | 933.333   |
|    |                                                           | 31/5/2021  | 5.000.000  | 300 | 558.333   |
| 36 | PH Thị L (H ph)<br>SN: 1974 ở Hữu Đức, P, N               | 1/2021     | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           |            | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           | 2/2021     | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           |            | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
|    |                                                           | 6/2021     | 10.000.000 | 180 | 577.778   |
| 37 | Huỳnh Trần Ngọc T8(Thức pd)<br>SN: 1983 ở Mông Đức, P, N  | 10/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 433.333   |
| 38 | Hải Thị Ngọc S (S, S Ph) SN: 1978 ở Thành Đức, P, N       | 29/11/2020 | 10.000.000 | 180 | 1.777.778 |
|    |                                                           | 29/12/2020 | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 16/1/2021  | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 31/1/2021  | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 01/3/2021  | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 07/3/2021  | 5.000.000  | 180 | 888.889   |
|    |                                                           | 04/4/2021  | 5.000.000  | 180 | 638.889   |
| 39 | Nguyễn Thị Mỹ H3 (H3 Pd) SN: 1981 ở KP1, TT P1, N         | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 12/4/2021  | 5.000.000  | 240 | 716.667   |
| 40 | Nguyễn Thị Bích H4 (Ngân tóc) SN: 1990 ở KP2, TT P1, N    | 04/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 316.667   |
| 41 | Lê Thị Hồng V (Kiều Nướng), SN: 1972 ở KP2, TT P1, N      | 03/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 350.000   |
| 42 | Trương Thị Tiên, SN: 1968 ở KP3, TT P1, N                 | 2/2021     | 5.000.000  | 240 | 916.667   |
| 43 | Phú Thị Chiêu, SN: 1970 ở KP6, TT P1, N                   | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
| 44 | Châu Thị Câu (T3)<br>SN: 1978 ở T1 Đức, P, N              | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 4/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 4/2021     | 5.000.000  | 240 | 516.667   |
| 45 | Đạt Thị T9 (T9 Bt)<br>SN: 1974 ở KP7, TT P1, N            | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 4/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 4/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 22/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 983.333   |
|    |                                                           | 28/5/2021  | 5.000.000  | 240 | 750.000   |
| 46 | Đạt Thị Hồng R (R), SN: 1982 ở K.P7, TT P1, N             | 3/2021     | 5.000.000  | 240 | 1.116.667 |
|    |                                                           | 16/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 150.000   |
| 47 | Hán Thị Kim K, SN: 1980 ở T1 Đức, P, N                    | 14/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 16.667    |
| 48 | Dương Thị Thùy U, SN: 1988 ở KP2, TT P1, N                | 4/2021     | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 5/2021     | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 06/6/2021  | 5.000.000  | 300 | 600.000   |
| 49 | Đỗ Thị L, SN: 1969 ở KP5, TT P1, N                        | 05/6/2021  | 5.000.000  | 240 | 316.667   |
| 50 | Nguyễn Thị P (P nb), SN: 1973 ở N, P2, N                  | 3/2021     | 3.000.000  | 300 | 560.000   |
|    |                                                           |            | 3.000.000  | 300 | 335.000   |
| 51 | Quảng Thị H, SN: 1974 ở N, P2, N                          | 01/4/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 28/4/2021  | 5.000.000  | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                           | 5/2021     | 5.000.000  | 300 | 808.333   |

|    |                                                                |            |           |     |           |
|----|----------------------------------------------------------------|------------|-----------|-----|-----------|
| 52 | Đổng Thị Mộng T11 (Mít nb)<br>SN: 1976 ở N, P2, N              | 25/5/2021  | 5.000.000 | 300 | 1.016.667 |
| 53 | Trương Như A, SN: 1977 ở N, P2, N                              | 5/2021     | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                | 6/2021     | 5.000.000 | 300 | 641.667   |
| 54 | Lưu Quang Hồng T12 (T12 ht)<br>SN: 1978 ở H, P2, N             | 01/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 808.333   |
|    |                                                                | 06/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 600.000   |
| 55 | Lưu Thị L (L ht), SN: 1970 ở H, P2, N                          | 20/5/2021  | 3.000.000 | 300 | 485.000   |
| 56 | Ngô Thị T11 (T11 pt),<br>SN: 1972 ở T, P2, N                   | 15/3/2021  | 3.000.000 | 300 | 710.000   |
|    |                                                                | 03/4/2021  | 3.000.000 | 300 | 710.000   |
|    |                                                                | 18/5/2021  | 3.000.000 | 300 | 710.000   |
|    |                                                                | 01/6/2021  | 3.000.000 | 300 | 485.000   |
| 57 | Nguyễn Thị G (Gái pt), SN: 1965 ở Đ, P2, N                     | 08/6/2021  | 3.000.000 | 300 | 310.000   |
| 58 | Võ Thị S1 (Sang pt)<br>SN: 1966 ở T, P2, N                     | 02/6/2021  | 5.000.000 | 240 | 616.667   |
|    |                                                                | 08/6/2021  | 5.000.000 | 240 | 383.333   |
|    |                                                                | 09/6/2021  | 5.000.000 | 240 | 383.333   |
| 59 | Hứa Thị D, SN: 1974 ở P, P3, N                                 | 29/12/2020 | 4.000.000 | 300 | 946.667   |
|    |                                                                | 2021       | 4.000.000 | 300 | 646.667   |
| 60 | Trần Thị Kim L (L pn), SN: 1983 ở P, P3, N                     | 9/2020     | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                | 08/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 558.333   |
| 61 | Châu Thị Ngọc T13, SN: 1978 ở P, P3, N                         | 18/12/2020 | 4.000.000 | 300 | 946.667   |
| 62 | Đàng Thị S3 (Sung), SN: 1994 ở H, P4, N                        | 11/2020    | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                | 04/12/2020 | 5.000.000 | 300 | 391.667   |
| 63 | Lưu Thị G, SN: 1961 ở H, P4, N                                 | 11/2020    | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                | 22/11/2020 | 5.000.000 | 300 | 683.333   |
| 64 | Đạt Thị Kim T14 (T14 HL)<br>SN: 1980 ở H, P4, N                | 14/12/2020 | 2.000.000 | 300 | 473.333   |
|    |                                                                | 03/1/2021  | 2.000.000 | 300 | 473.333   |
|    |                                                                | 20/1/2021  | 2.000.000 | 300 | 256.667   |
|    |                                                                | 25/12/2020 | 2.000.000 | 300 | 473.333   |
|    |                                                                | 11/1/2021  | 2.000.000 | 300 | 473.333   |
|    |                                                                | 03/2/2021  | 2.000.000 | 300 | 256.667   |
| 65 | Kiều Thị Lệ N, SN: 1991 ở P, P3, N                             | 11/2020    | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                |            | 5.000.000 | 300 | 683.333   |
| 66 | Phạm Thị S T8(thu ba),<br>SN: 1971 ở KP2, Bảo An, TP PRTC      | 12/2020    | 3.000.000 | 300 | 635.000   |
| 67 | Nguyễn Thị Hồng V (V ht)<br>SN: 1996 ở H, A, N                 | 5/2021     | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                | 06/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 516.667   |
| 68 | Nguyễn Thị J G (Gioan ht, Doan HT),<br>SN: 1995 ở H, An Hải, N | 5/2021     | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |
|    |                                                                | 04/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 641.667   |
|    |                                                                | 09/6/2021  | 2.000.000 | 300 | 190.000   |
| 69 | Trương Thị Hào (Hào ht)<br>SN: 1976 ở H, A, N                  | 13/6/2021  | 5.000.000 | 300 | 350.000   |
| 70 | Kiều Thị Kim A (Kim Anh t tú)<br>SN: 1990 ở T, A, N            | 4/2021     | 2.000.000 | 300 | 473.333   |
|    |                                                                | 5/2021     | 5.000.000 | 300 | 1.183.333 |

|    |                                                              |            |               |     |             |
|----|--------------------------------------------------------------|------------|---------------|-----|-------------|
|    |                                                              | 05/6/2021  | 5.000.000     | 300 | 558.333     |
| 71 | Đặng Thị Thùy D (Dương NQ) SN: 1968 ở KP2, Đ, TP PRTC        | 24/12/2020 | 5.000.000     | 240 | 1.116.667   |
|    |                                                              | 12/1/2021  | 5.000.000     | 240 | 1.116.667   |
|    |                                                              | 28/2/2021  | 5.000.000     | 240 | 783.333     |
| 72 | Đặng Thị Mộng H7 (Huy NQ) SN: 1966 ở KP2, Đ, TP PRTC         |            | 4.000.000     | 300 | 946.667     |
| 73 | Trần Thị D1 (Dư vts) SN: 1966 ở KP6, Kinh Dinh, Tp PRTC      | 15/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                              | 29/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                              | 10/4/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                              | 29/4/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                              | 12/6/2021  | 3.000.000     | 300 | 235.000     |
| 74 | Nguyễn Thị Mỹ C4 (Mỹ chi) SN: 1991 ở KP2, Thanh Sơn, TP PRTC | 4/2021     | 7.000.000     | 300 | 1.656.667   |
|    |                                                              | 5/2021     | 7.000.000     | 300 | 1.656.667   |
|    |                                                              | 24/5/2021  | 7.000.000     | 300 | 1.073.333   |
| 75 | Nguyễn Thị N (Nhân b mi) SN: 1954 ở KP1, Phù Hà, TP PRTC     | 05/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 560.000     |
|    |                                                              | 17/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 560.000     |
|    |                                                              | 29/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 135.000     |
| 76 | Châu Đình Diễm L6 (Diễm lệ) SN: 1970 ở KP2, Phù Hà, TP PRTC  | 18/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 710.000     |
|    |                                                              | 29/3/2021  | 3.000.000     | 300 | 110.000     |
|    | Tổng cộng:                                                   |            | 1.161.500.000 |     | 207.605.556 |

-Trần X T quản lý 14 người vay, tổng số tiền cho vay là 428.500.000 đồng, thu lợi bất chính 80.181.680 đồng.

- Trần Đình T1 quản lý 35 người vay, tổng số tiền cho vay là 478.000.000 đồng, thu lợi bất chính 81.898.886 đồng.

- Lù Văn C quản lý 17 người vay, tổng số tiền cho vay là 146.000.000 đồng, thu lợi bất chính 25.744.990 đồng.

- La Văn L quản lý 10 người vay, tổng số tiền cho vay là 109.000.000 đồng, thu lợi bất chính 19.780.000 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, xét vai trò của từng bị cáo được đánh giá như sau:

Đối với bị cáo Trần X T là người tổ chức và thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền là 80.181.680 đồng.

Đối với bị cáo Trần Đình T1 là người tham gia giúp sức trong hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền là 81.898.886 đồng.

Đối với bị cáo Lù Văn C là người tham gia giúp sức trong hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền là 25.744.990 đồng.

Đối với bị cáo La Văn L là người tham gia giúp sức trong hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền là 19.780.000 đồng.

[4]. Xác định nguyên nhân, lỗi, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ nhu C2 muốn hưởng lợi bất chính; hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý; Tội phạm bị cáo thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất đến 03 năm tù.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần X T, Trần Đình T1, Lù Văn C, La Văn L không có tình tiết tăng nặng.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần X T, Trần Đình T1, Lù Văn C, La Văn L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Pên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt và chưa có tiền án, tiền sự.

[8]. Quyết định hình phạt chính đối với bị cáo: Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tại địa P. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Trần X T, Trần Đình T1, Lù Văn C, La Văn L về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Riêng các bị cáo Trần Đình T1, Lù Văn C, La Văn L, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo tham gia với vai trò giúp sức và có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì vậy Hội đồng xét xử cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng sự KH2n hồng của pháp luật.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Trần X T có nghề nghiệp là lao động tự do, các bị cáo Trần Đình T1, Lù Văn C và La Văn L thì nghề nghiệp là không, do đó mức thu nhập không ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

[10]. Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 6.000.000 đồng; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 061113480 tên Vũ Thị Thiên N2; 01 (một) thẻ ngân hàng VpBank tên Vũ Thị Thiên N2, số thẻ: 9704320875919898; 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV tên Vũ Thị Thiên N2, số thẻ: 9704180000010660298; 01 (một) thẻ ngân hàng VpBank tên Vũ Thị Thiên N2, số thẻ: 5203996746401077; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số Imei: 352978090421745, bên trong gắn sim số: 0853734614; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, số Imei: 353902105681282, bên trong gắn sim số: 0378254355; 01 (một) cục sạc điện thoại. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Vũ Thị Thiên N2 (Sinh năm: 2001, trú tại: Thôn Linh Đức, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái) không L quan đến hành vi phạm tội của Trần X T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả cho chị Nga là có căn cứ, nên Hội đồng không xét đến.

+ Trả lại cho Trần X T gồm: 01 (một) giấy phép lái xe số 000363 mang tên Trần X T; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 060962550 tên Trần X T; 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank tên Trần X T, số thẻ: 4221498679146952; 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV tên Trần X T, số thẻ: 5119570421206102.

- 01 (một) hợp đồng ủy quyền quản lý sử dụng nhà ở ngày 05/10/2021 có chữ ký của Trần X T và Lê Thị Phà Ca; 01 (một) hợp đồng thuê nhà ngày 05/10/2021 có chữ ký của Trần X T và Lê Thị Phà Ca; 01 (một) biên bản bàn giao tài sản có chữ ký của Trần X T và Hoàng Thị Yến; 01 (một) hợp đồng thuê nhà Trần X T và Nguyễn Thị Liễu lập ngày 10/01/2021 căn hộ C4-10. Quá trình

điều tra xác định đây là những vật chứng L quan đến việc thuê chỗ ở để hoạt động vay lãi nặng nên đưa vào hồ sơ vụ án để phục vụ công tác truy tố, xét xử là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Trả lại cho Trần Đình T1 01 (một) thẻ ATM Agribank, số thẻ: 9704050997369694 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM BIDV, số thẻ: 5119570463784107 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM MB, số thẻ: 9704222041803594 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM Techcombank, số thẻ: 4221498662475251 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) ví da màu nâu đen, kích thước (9x 12)cm, bên trong không có đồ vật, tài liệu.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 1.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số Imei: 35676984639988; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 352415901428627; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 86369305266080801, bên trong gắn sim số: 0786406028; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 352415908732369, bên trong gắn sim số: 0818601736; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 869112057035167/01, số thuê bao: 0783406683.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave Alpha màu đen, biển số: 85B1-678.51, số máy: JA39E0811951, số khung: RLHJA3906HY831800; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 046486, biển số đăng ký: 85B1-678.51, tên chủ xe: Trần Văn P; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số: 79V1-340.26, số máy: JA39E0149869, số khung: RLHJA3903HY149814. Đây là xe mô tô T1 mua lại của trung T3 xe máy Nhật Hoàng do anh Đỗ Giang Hoàng, sinh năm: 1974, trú tại: Số 75A đường 21/8, khu phố 1, phường Phủ Hà, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nhưng hiện nay chưa làm việc được với anh P để xác định việc mua bán xe của anh P và anh Hoàng. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- 02 (hai) tờ giấy biên nhận bán xe cửa hàng xe máy Rin ghi tên Trần Đình T1; 01 (một) tờ giấy biên nhận bán xe cửa hàng xe máy Nhật Hoàng ghi tên Trần Đình T1; 01 (một) tờ giấy biên nhận bán xe cửa hàng xe máy Bé ghi tên Hán Đạo Anh Cốp Sừ; 01 (một) hợp đồng mua bán xe mô tô cửa hàng xe máy Sao ghi tên Nguyễn Thành Sao và Đặng Quang Ngọc; 01 (một) tờ giấy kẻ ngang có ghi chữ và số, có chữ kí xác nhận của Trần Đình T1; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô tên Huỳnh Cao Đại, biển số xe: 79V1-340.26; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 264161561 mang tên Trương Thị H6; 01 (một) bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 264446300 mang tên Giai Thị Thanh T; 01 (một) bản phô tô sổ hộ khẩu số 440021856, chủ hộ Giai Thị Thanh T; 01 (một) bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 264086120 mang tên Nguyễn Thị P; 01 (một) bản phô tô sổ hộ khẩu số 440050921, chủ hộ Trần X Lê; 05 (năm) tờ giấy in hình người phụ nữ ghi tên Chung; 07 (bảy) tờ giấy in hình người phụ nữ ghi tên X; 10 (mười) tờ giấy in hình người phụ nữ ghi tên Điệp. Quá trình điều tra xác định đây là những tài liệu L quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên đưa vào hồ sơ vụ án để phục vụ công tác truy tố, xét xử là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 264200217 mang tên Lê Thị Thu Thủy; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 264419224 mang tên Nguyễn Thị Thùy T4; 01 (một) sổ hộ khẩu số 440191446, chủ hộ Ngô Thị Thanh Thủy; 01 (một) sổ hộ khẩu số 440114292, chủ hộ Lâm Gia Thịnh; 01 (một) thẻ ATM Agribank, số thẻ: 9704050874810349 tên PHẠM VAN BA. Quá trình điều tra

chưa làm việc được với những người có nhân thân, lai lịch trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu đen-đỏ, biển số: 64D1-212.97, số máy: JA31E0146197, số khung: RLHJA3104EY044903 do anh Giang Phát Lợi làm chủ sở hữu. Qua điều tra xác định xe máy trên do Trần Đình T1 mượn được một người tên Đạt tuy nhiên chưa làm việc được với một người tên Đạt, anh Giang Phát Lợi nên khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số: 79V1-340.26, số máy: JA39E0149869, số khung: RLHJA3903HY149814. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Huỳnh Cao Đại, sinh năm: 1995, trú tại: T1 Phước Tây, Vạn Phước, Vạn Ninh, Khánh Hòa bán cho cửa hàng xe máy Sao do anh Nguyễn Thanh Sao, địa chỉ: số 623 đường Lê Hồng Phong, thành phố Nha T4, tỉnh Khánh Hòa. Anh Sao bán lại cho Đặng Quang Ngọc vào ngày 06/4/2019. Hiện nay chưa làm việc được với anh Ngọc và anh Sao nên đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau. vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

- Trả lại cho Lù Văn C 01 (một) thẻ ATM Vietcombank, số thẻ: 9704368621525479017 tên LU VAN CHIEN.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: 01 (một) điện T5i di động hiệu Nokia, số Imei 1: 352884107071293, số Imei 2: 352884107571292, bên trong gắn sim số: 0917749826; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, số Imei: 353854132818660, bên trong gắn sim số 0931163666; 01 (một) cục sạc điện thoại; 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ hiệu Asia, 01 (một) nón bảo hiểm hiệu Trí Liễu; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 79N2-501.70, số máy: JF63E2175171, số khung: RLHJF6328HZ145734; 01 (một) chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 094015 tên chủ xe Phạm C T7, biển số xe đăng ký: 79N2-501.70 của Trần X T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số Imei: 35676984639988; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 351288851354700, bên trong gắn sim số: 07834061663 của Trần Đình T1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 352415908732369, bên trong gắn sim số: 0818601736 của Lù Văn C; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 869112057035167/01, số thuê bao: 0783406683 của Lù Văn C; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 352415901428627; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 86369305266080801, bên trong gắn sim số: 0786406028 của La Văn L;

+ Tịch thu tiêu hủy gồm: 397 (Ba trăm chín mươi bảy) card visit màu trắng in chữ “Cho vay trả góp” và số điện thoại 0917749826;

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 46 của Bộ luật hình sự; Điều 123, Điều 131 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Đối với số tiền: 207.605.556 đồng là tiền T thu lợi bất chính, trong đó: thì có 17 người vay yêu C2 T trả lại số tiền 40.556.667 đồng, vì vậy buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính 40.556.667 đồng cho 17 người vay có yêu C2 cụ thể gồm: Bà Huỳnh Hứa Thị Minh P số tiền 725.000 đồng; Bà Phú Thị C1 số tiền 1.116.667 đồng; Bà Đỗ Thị L số tiền 316.667 đồng; Bà Đàng Nữ Thu N số tiền 216.667 đồng; Bà Đàng Thị Thu H số tiền 283.333 đồng; Bà Trương Thị Kim P

số tiền 350.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Phước T số tiền 4.325.000 đồng; Bà Ngô Thị T11 số tiền 2.615.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Hồng T4 số tiền 1.240.000 đồng; Bà Hứa Thị D số tiền 1.593.333 đồng; Bà Lưu Thị G số tiền 1.866.667 đồng; Bà Đảng Thị S3 số tiền 1.575.000 đồng; Bà Đảng Thị Mỹ Hồng T5 số tiền 6.466.667 đồng; Bà Châu Thị X số tiền 4.358.333 đồng; Bà Châu Thị H2 số tiền 4.191.667 đồng; Bà Đạt Thị T9 số tiền 5.083.333 đồng; Bà Đảng Thị L số tiền 4.233.333 đồng.

+ Trong số 76 người vay thì có 40 người vay của T không yêu C2 hoàn trả tiền thu lợi bất chính tổng số tiền: 119.183.237 đồng, cụ thể: Đặng Thị P, số tiền: 566.667 đồng; Phạm Thị H, số tiền: 15.366.671 đồng; Phạm Thị Hòa, số tiền: 900.000 đồng; Đặng Thị P, số tiền: 7.476.668 đồng; Võ Thị M, số tiền: 6.260.000 đồng; Phạm K, số tiền: 1.433.334 đồng; Trần Thị N, số tiền: 16.500.004 đồng; Nguyễn Thị Hồng P, số tiền: 966.667 đồng; Lê Thị Thanh T2, số tiền: 5.020.000 đồng; Phan Thị T3, số tiền: 5.533.335 đồng; Hồ Thị Kim T4, số tiền: 766.667 đồng; Nguyễn Thị C, số tiền: 4.066.666 đồng; Lương Thị Hoàng O, số tiền: 616.667 đồng; Đào Thị H, số tiền: 1.133.334 đồng; Tô Thị L, số tiền: 2.712.666 đồng; Nguyễn Thị Q, số tiền: 1.400.000 đồng; Đạo Thị Nhị, số tiền: 3.350.000 đồng; Đinh Thị Thắm, số tiền: 3.358.332 đồng; PH Thị L, số tiền: 4.244.446 đồng; Huỳnh Trần Ngọc Thư, số tiền: 433.333 đồng; Hải Thị Ngọc S, số tiền: 6.861.112 đồng; Châu Thị C2, số tiền: 2.750.001 đồng; Đạt Thị Hồng R, số tiền: 1.266.667 đồng; Hán Thị Kim K, số tiền: 16.667 đồng; Nguyễn Thị P, số tiền: 895.000 đồng; Đồng Thị Mộng T11, số tiền: 1.016.667 đồng; Trương Như A, số tiền: 1.825.000 đồng; Lưu Thị L, số tiền: 485.000 đồng; Võ Thị S1, số tiền: 1.383.333 đồng; Trần Thị Kim L, số tiền: 1.741.666 đồng; Châu Thị Ngọc T13, số tiền: 946.667 đồng; Đạt Thị Kim T14, số tiền: 2.406.666 đồng; Kiều Thị Lệ N, số tiền: 1.866.666 đồng; Phạm Thị S, số tiền: 635.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng V, số tiền: 1.700.000 đồng; Nguyễn Thị J G, số tiền: 2.015.000 đồng; Trương Thị H6, số tiền: 350.000 đồng; Trần Thị D1, số tiền: 3.075.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ C4, số tiền: 4.386.667 đồng; Nguyễn Thị N, số tiền: 1.255.000 đồng, vì vậy buộc Trần X T phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 119.183.237 đồng.

+ Trong 76 người thì có 19 người vay T hưởng lợi bất chính với tổng số tiền: 47.771.665 đồng hiện nay chưa có yêu C2, cụ thể: Đặng Thị X T, số tiền: 1.233.334 đồng; Lê Anh H, số tiền: 14.000.000 đồng; Đảng Nữ Quốc N, số tiền: 6.883.332 đồng; Nguyễn Thị Thu H1, số tiền: 933.333 đồng; Nguyễn Thị Thu T6, số tiền: 558.333 đồng; Cao Thị M, số tiền: 991.666 đồng; Bùi Thị T7, số tiền: 5.626.668 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H3, số tiền: 1.833.334 đồng; Nguyễn Thị Bích H4, số tiền: 316.667 đồng; Lê Thị Hồng V, số tiền: 350.000 đồng; Trương Thị T9, số tiền: 916.667 đồng; Dương Thị Thùy U, số tiền: 2.366.666 đồng; Quảng Thị H, số tiền: 3.044.999 đồng; Lưu Quang Hồng T12, số tiền: 1.408.333 đồng; Nguyễn Thị G, số tiền: 310.000 đồng; Kiều Thị Kim A, số tiền: 2.214.999 đồng; Đặng Thị Thùy D, số tiền: 3.016.667 đồng; Đặng Thị Mộng H7, số tiền: 946.667 đồng; Châu Đình Diễm L6, số tiền: 820.000 đồng. Quá trình điều tra những người trên chưa yêu C2 T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính, khi nào người vay có yêu C2 đề nghị khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Trong quá trình điều tra khai thác dữ liệu trích xuất từ điện thoại của Trần X T và phần mềm “T4 tính” do T quản lý cùng các tài liệu, chứng cứ khác xác

định ngoài 76 người vay đã nêu trên còn có trên 245 người đã vay số tiền 557.675.000 đồng tiền gốc còn lại của T. Tuy nhiên đến nay T, T1, C, L không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể, không có căn cứ xác định được nhân thân lai lịch để làm việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra ra thông báo truy tìm và tiếp tục xác minh, khi nào làm việc được có căn cứ xử lý sau. nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Buộc Trần X T nộp sung quỹ Nhà nước số tiền lãi bất hợp pháp 18.329.444 đồng.

- Buộc 70 người hiện nay đang giữ tổng số tiền 226.985.000 đồng là tiền gốc của T chưa trả hết để sung quỹ Nhà nước, cụ thể: Đặng Thị P giữ số tiền 2.550.000 đồng; Nguyễn Thị Phước T giữ số tiền 3.200.000 đồng; Phạm Thị H giữ số tiền 6.516.667 đồng; Đặng Thị X T giữ số tiền 4.600.000 đồng; Phạm Thị Hòa giữ số tiền 6.226.667 đồng; Đặng Thị P giữ số tiền 3.133.333 đồng; Võ Thị M giữ số tiền 3.633.333 đồng; Phạm K giữ số tiền 3.800.000 đồng; Trần Thị N giữ số tiền 6.433.334 đồng; Nguyễn Thị Hồng P giữ số tiền 5.933.333 đồng; Lê Thị Thanh T2 giữ số tiền 1.580.000 đồng; Lê Anh H giữ số tiền 18.533.333 đồng; Phan Thị T3 giữ số tiền 5.433.333 đồng; Nguyễn Thị Hồng T4 giữ số tiền 380.000 đồng; Châu Thị X giữ số tiền 1.625.000 đồng; Đảng Nữ Thị Quốc N giữ số tiền 4.600.000 đồng; Hồ Thị Kim T4 giữ số tiền 1.833.333 đồng; Nguyễn Thị C giữ số tiền 1.600.000 đồng; Lương Thị Hoàng O giữ số tiền 2.583.333 đồng; Đào Thị H giữ số tiền 5.100.000 đồng; Đảng Nữ Thu N giữ số tiền 4.300.000 đồng; Đảng Thị Thu H giữ số tiền: 3.166.667 đồng; Đảng Thị L giữ số tiền 2.250.000 đồng; Châu Thị H2 giữ số tiền 2.458.333 đồng; Huỳnh Hứa Thị Minh P giữ số tiền 1.041.667 đồng; Đảng Thị Hồng T5 giữ số tiền 1.966.667 đồng; Nguyễn Thị Thu T6 giữ số tiền 1.875.000 đồng; Cao Thị M giữ số tiền 4.375.000 đồng; Tô Thị L giữ số tiền 3.916.667 đồng; Nguyễn Thị Q giữ số tiền 3.966.667 đồng; Trương Thị Kim P giữ số tiền 3.633.333 đồng; Bùi Thị T7 giữ số tiền 2.166.667 đồng; Đinh Thị Thắm giữ số tiền 1.875.000 đồng; PH Thị L giữ số tiền 6.000.000 đồng; Huỳnh Trần Ngọc T8 giữ số tiền 3.500.000 đồng; Hải Thị Ngọc S giữ số tiền 1.250.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H3 giữ số tiền 1.800.000 đồng; Nguyễn Thị Bích H4 giữ số tiền 3.000.000 đồng; Lê Thị Hồng V giữ số tiền 2.833.333 đồng; Châu Thị C2 giữ số tiền 2.800.000 đồng; Đạt Thị T9 giữ số tiền 2.100.000 đồng; Đạt Thị Hồng R giữ số tiền 4.633.333 đồng; Hán Thị Kim K giữ số tiền 4.500.000 đồng; Dương Thị Thùy U giữ số tiền 2.666.667 đồng; Đỗ Thị L giữ số tiền 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị P giữ số tiền 1.125.000 đồng; Quảng Thị H giữ số tiền 1.625.000 đồng; Đồng Thị Mộng T11 giữ số tiền 583.333 đồng; Trương Như A giữ số tiền 2.458.333 đồng; Lưu Quang Hồng T12 giữ số tiền 4.291.667 đồng; Lưu Thị L giữ số tiền 975.000 đồng; Ngô Thị T11 giữ số tiền 975.000 đồng; Nguyễn Thị G giữ số tiền 1.850.000 đồng; Võ Thị S1 giữ số tiền 9.233.334 đồng; Hứa Thị D giữ số tiền 9.233.334 đồng; Trần Thị Kim L giữ số tiền 2.875.000 đồng; Đảng Thị S3 giữ số tiền 3.708.333 đồng; Lưu Thị G giữ số tiền 2.250.000 đồng; Đạt Thị Kim T14 giữ số tiền 1.966.666 đồng; Kiều Thị Lê N giữ số tiền 2.250.000 đồng; Phạm Thị S T8 giữ số tiền 225.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng V giữ số tiền 3.083.333 đồng; Nguyễn Thị J G giữ số tiền 3.775.000 đồng; Trương Thị H6 giữ số tiền 3.916.667 đồng; Kiều Thị Kim A giữ số tiền 2.875.000 đồng; Đặng Thị Thùy D giữ số tiền 1.466.667 đồng; Trần Thị D1 giữ số tiền 2.225.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ C4 giữ số tiền 2.566.667 đồng; Nguyễn

Thị N giữ số tiền 2.125.000 đồng; Châu Đình Diễm L6 giữ số tiền 2.850.000 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền: 9.000.000 đồng (Trong đó: Trần X T số tiền 5.000.000 đồng; Trần Đình T1, số tiền 2.000.000 đồng; Lù Văn C, số tiền 1.000.000 đồng; La Văn L, số tiền 1.000.000 đồng) để đảm bảo thi hành án;

Trong quá trình điều tra, anh Đỗ Hải N3 đã T mặt các bị can nộp khắc phục cho Trần X T, số tiền: 5.000.000 đồng, Trần Đình T1, số tiền: 1.000.000 đồng, Lù Văn C, số tiền: 1.000.000 đồng, La Văn L, số tiền: 1.000.000 đồng. Anh Ninh không yêu C2 các bị can T, T1, C, L hoàn trả lại số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- Đối với bà Nguyễn Thị Liễu chủ sở hữu căn hộ C4- Tầng 10 chung cư Phú Thịnh và bà Đoàn Thị Hải Yến là chủ sở hữu căn hộ F1- Tầng 6 chung cư Phú Thịnh cho Trần X T thuê ở. Quá trình điều tra xác định bà Liễu và bà Yến không biết T sử dụng căn hộ của mình thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với bà Yến và bà Liễu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- Đối với Nguyễn Thị Thanh T2, Ngô Thị Thu T4, Trương Thị Hoàng O và Nguyễn Thị Út khai có vay của nhóm Trần X T. Tuy nhiên T, L, C, T1 không thừa nhận. Mặt khác không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không xử lý T, L, C, T1 trong những trường hợp này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- Đối với biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị V H do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Thuận (PC02) lập ngày 21/6/2021: Qua kiểm tra biên bản không có chữ ký hoặc lãn tay, điểm chỉ của người khai mà do người có tên Phạm Thị Thùy Nhung ký tên vào phần người khai nên không đảm bảo tính hợp pháp của chứng cứ. Mặt khác qua xác minh bà Nguyễn Thị V H không có mặt tại địa P nên Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh khi nào làm việc được sẽ xử lý sau là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- Đối với người tên T12, Thành, Dung (*không rõ nhân thân lai lịch*) thu tiền cho vay giúp cho bị cáo Trần X T nhưng hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- Đối với tố giác của bà Hải Thị Ngọc S tố cáo hành vi của một người tên Nguyễn Văn Sơn và Hoàng Ngọc Dũng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với bà S nhưng hiện nay tố giác L quan đến hành vi Nguyễn Văn Sơn và Hoàng Ngọc Dũng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thụ lý giải quyết trong vụ việc khác. Hiện nay đang tạm đình chỉ, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[12]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Trần X T, Trần Đình T1, Lù Văn C và La Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần X T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt bị cáo 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19-8-2021.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Đình T1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt bị cáo 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 03-11-2021.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lù Văn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt bị cáo 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 03-11-2021.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo La Văn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt bị cáo 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 03-11-2021.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả cho Trần X T gồm: 01 (một) giấy phép lái xe số 000363 mang tên Trần X T; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 060962550 tên Trần X T; 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank tên Trần X T, số thẻ: 4221498679146952; 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV tên Trần X T, số thẻ: 5119570421206102.

- Trả lại cho Trần Đình T1 01 (một) thẻ ATM Agribank, số thẻ: 9704050997369694 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM BIDV, số thẻ: 5119570463784107 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM MB, số thẻ: 9704222041803594 tên TRAN DINH TAN; 01 (một) thẻ ATM Techcombank, số thẻ: 4221498662475251 tên TRAN DINH TAN. Cả 04 thẻ được niêm phong kín trong túi niêm phong mã số 039139, có chữ ký của Tào Văn Sơn, Bùi Hữu Hải, Trần Đình T1.

- Trả lại cho Trần Đình T1 01 (một) ví da màu nâu đen, kích thước (9x 12)cm, bên trong không có đồ vật, tài liệu, tài sản gì. Được niêm phong kín trong túi niêm phong mã số 030138, có chữ ký của Tào Văn Sơn, Bùi Hữu Hải, Trần Đình T1.

- Trả lại cho Lù Văn C 01 (một) thẻ ATM Vietcombank, số thẻ: 9704368621525479017 tên LU VAN CHIEN. Được niêm phong kín trong túi niêm phong mã số 030131, có chữ ký của Tào Văn Sơn, Bùi Hữu Hải, Trần Đình T1.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm:

+ 01 (một) điện T5i di động hiệu Nokia, số Imei 1: 352884107071293, số Imei 2: 352884107571292, bên trong gắn sim số: 0917749826; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, số Imei: 353854132818660, bên trong gắn

sim số 0931163666; 01 (một) cục sạc điện thoại. Được niêm phong kín trong túi giấy có chữ ký giáp lai của Hoàng Huy Công, Trần X T;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số Imei: 35676984639988; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 351288851354700, bên trong gắn sim số 07834061663. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số 1903052 có chữ ký xác nhận của Hồ X Chung, Trần Đình T1;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 352415908732369, bên trong gắn sim số: 0818601736; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 869112057035167/01. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số 1906104 có chữ ký của Hồ X Chung, Lù Văn C;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 352415901428627; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 86369305266080801, bên trong gắn sim số: 0786406028. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số 1903059 có chữ ký xác nhận của Hồ X Chung, La Văn L;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 79N2-501.70, số máy: JF63E2175171, số khung: RLHJF6328HZ145734. Bên trong cốp xe có 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ hiệu Asia, 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh hiệu Trí Liễu. Không có chìa khóa xe.

+ Tiếp tục tạm giữ 01 (một) chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 094015 tên chủ xe Phạm C T7, biển số xe đăng ký: 79N2-501.70 để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu, tiêu hủy gồm:

+ 397 (Ba trăm chín mươi bảy) card visit màu trắng in chữ “Cho vay trả góp” và số điện thoại 0917749826. Được niêm phong kín trong túi nilon dán giấy có chữ ký của Tào Văn Sơn, Trần Đình T1.

Hiện các vật chứng trên đang bảo quản tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện N, (không kiểm tra tình trạng bên trong của gói niêm phong các vật chứng trên) theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01-12-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân huyện N.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ, theo giấy ủy nhiệm chi ký hiệu số C4-02a/KB, lập ngày 02-12-2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 123, Điều 131 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

+ Buộc bị cáo Trần X T phải nộp số tiền từ việc cho vay lãi nặng 18.329.444 đồng đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Trần X T phải nộp số tiền thu lợi bất chính 119.183.237 đồng đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước cụ thể: Đặng Thị P, số tiền: 566.667 đồng; Phạm Thị H, số tiền: 15.366.671 đồng; Phạm Thị H, số tiền: 900.000 đồng; Đặng Thị P, số tiền: 7.476.668 đồng; Võ Thị M, số tiền: 6.260.000 đồng; Phạm K, số tiền: 1.433.334 đồng; Trần Thị N, số tiền: 16.500.004 đồng; Nguyễn Thị Hồng P, số tiền: 966.667 đồng; Lê Thị Thanh T2, số tiền: 5.020.000 đồng; Phan Thị T3, số tiền: 5.533.335 đồng; Hồ Thị Kim T4, số tiền: 766.667 đồng; Nguyễn Thị C, số tiền: 4.066.666 đồng; Lương Thị Hoàng O, số tiền: 616.667 đồng; Đào Thị H, số tiền: 1.133.334 đồng; Tô Thị L, số tiền: 2.712.666 đồng; Nguyễn Thị Q, số tiền: 1.400.000 đồng; Đạo Thị Nhị, số tiền: 3.350.000

đồng; Đinh Thị Thắm, số tiền: 3.358.332 đồng; PH Thị L, số tiền: 4.244.446 đồng; Huỳnh Trần Ngọc Thư, số tiền: 433.333 đồng; Hải Thị Ngọc S, số tiền: 6.861.112 đồng; Châu Thị C2, số tiền: 2.750.001 đồng; Đạt Thị Hồng R, số tiền: 1.266.667 đồng; Hán Thị Kim K, số tiền: 16.667 đồng; Nguyễn Thị P, số tiền: 895.000 đồng; Đồng Thị Mộng T11, số tiền: 1.016.667 đồng; Trương Như A, số tiền: 1.825.000 đồng; Lưu Thị L, số tiền: 485.000 đồng; Võ Thị S1, số tiền: 1.383.333 đồng; Trần Thị Kim L, số tiền: 1.741.666 đồng; Châu Thị Ngọc T13, số tiền: 946.667 đồng; Đạt Thị Kim T14, số tiền: 2.406.666 đồng; Kiều Thị Lệ N, số tiền: 1.866.666 đồng; Phạm Thị S, số tiền: 635.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng V, số tiền: 1.700.000 đồng; Nguyễn Thị J G, số tiền: 2.015.000 đồng; Trương Thị H6, số tiền: 350.000 đồng; Trần Thị D1, số tiền: 3.075.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ C4, số tiền: 4.386.667 đồng; Nguyễn Thị N, số tiền: 1.255.000 đồng.

+ Buộc bà Đặng Thị P phải nộp số tiền số tiền 2.550.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Phước T phải nộp số tiền 3.200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Phạm Thị H phải nộp số tiền 6.516.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đặng Thị X T phải nộp số tiền 4.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Phạm Thị H phải nộp số tiền 6.226.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đặng Thị P phải nộp số tiền 3.133.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Võ Thị M phải nộp số tiền 3.633.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc ông Phạm K phải nộp số tiền 3.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Trần Thị N phải nộp số tiền 6.433.334 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải nộp số tiền 5.933.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Lê Thị Thanh T2 phải nộp số tiền 1.580.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc ông Lê Anh H phải nộp số tiền 18.533.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Phan Thị T3 phải nộp số tiền 5.433.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T4 phải nộp số tiền 380.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Châu Thị X phải nộp số tiền 1.625.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đảng Nữ Thị Quốc N phải nộp số tiền 4.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Hồ Thị Kim T4 phải nộp số tiền 1.833.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị C phải nộp số tiền 1.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Lương Thị Hoàng O phải nộp số tiền 2.583.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đào Thị H phải nộp số tiền 5.100.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đảng Nữ Thu N phải nộp số tiền 4.300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đảng Thị Thu H phải nộp số tiền: 3.166.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đảng Thị L phải nộp số tiền 2.250.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Châu Thị H2 phải nộp số tiền 2.458.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Huỳnh Hứa Thị Minh P phải nộp số tiền 1.041.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đảng Thị Mỹ Hồng T5 phải nộp số tiền 1.966.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thu T6 phải nộp số tiền 1.875.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Cao Thị M phải nộp số tiền 4.375.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Tô Thị L phải nộp số tiền 3.916.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Q phải nộp số tiền 3.966.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Trương Thị Kim P phải nộp số tiền 3.633.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Bùi Thị T7 phải nộp số tiền 2.166.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đinh Thị Thắm phải nộp số tiền 1.875.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà PH Thị L phải nộp số tiền 6.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc ông Huỳnh Trần Ngọc T8 phải nộp số tiền 3.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Hải Thị Ngọc S phải nộp số tiền 1.250.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H3 phải nộp số tiền 1.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Bích H4 phải nộp số tiền 3.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Lê Thị Hồng V phải nộp số tiền 2.833.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Châu Thị C2 phải nộp số tiền 2.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đạt Thị T9 phải nộp số tiền 2.100.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đạt Thị Hồng R phải nộp số tiền 4.633.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Hán Thị Kim K phải nộp số tiền 4.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Dương Thị Thùy U phải nộp số tiền 2.666.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đỗ Thị L phải nộp số tiền 3.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị P phải nộp số tiền 1.125.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Quảng Thị H phải nộp số tiền 1.625.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đồng Thị Mộng T11 phải nộp số tiền 583.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc ông Trương Như A phải nộp số tiền 2.458.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Lưu Quang Hồng T12 phải nộp số tiền 4.291.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Lưu Thị L phải nộp số tiền 975.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Ngô Thị T11 phải nộp số tiền 975.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị G phải nộp số tiền 1.850.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Võ Thị S1 phải nộp số tiền 9.233.334 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Hứa Thị D phải nộp số tiền 9.233.334 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Trần Thị Kim L phải nộp số tiền 2.875.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đảng Thị S3 phải nộp số tiền 3.708.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Lưu Thị G phải nộp số tiền 2.250.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Đạt Thị Kim T14 phải nộp số tiền 1.966.666 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Kiều Thị Lệ N phải nộp số tiền 2.250.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Phạm Thị S T8 phải nộp số tiền 225.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V phải nộp số tiền 3.083.333 đồng để sung quỹ Nhà nước;

+ Buộc bà Nguyễn Thị J G phải nộp số tiền 3.775.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

- + Buộc bà Trương Thị H6 phải nộp số tiền 3.916.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;
- + Buộc bà Kiều Thị Kim A phải nộp số tiền 2.875.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;
- + Buộc bà Đặng Thị Thùy D phải nộp số tiền 1.466.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;
- + Buộc bà Trần Thị D1 phải nộp số tiền 2.225.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;
- + Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C4 phải nộp số tiền 2.566.667 đồng để sung quỹ Nhà nước;
- + Buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 2.125.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;
- + Buộc bà Châu Đình Diễm L6 phải nộp số tiền 2.850.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Huỳnh Hứa Thị Minh P số tiền 725.000 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Phú Thị C1 số tiền 1.116.667 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Đỗ Thị L số tiền 316.667 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Đảng Nữ Thu N số tiền 216.667 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Đảng Thị Thu H số tiền 283.333 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Trương Thị Kim P số tiền 350.000 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền 4.325.000 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Ngô Thị T11 số tiền 2.615.000 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Nguyễn Thị Hồng T4 số tiền 1.240.000 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Hứa Thị D số tiền 1.593.333 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Lưu Thị G số tiền 1.866.667 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Đảng Thị S3 số tiền 1.575.000 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Đảng Thị Mỹ Hồng T5 số tiền 6.466.667 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Châu Thị X số tiền 4.358.333 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Châu Thị H2 số tiền 4.191.667 đồng;
- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Đạt Thị T9 số tiền 5.083.333 đồng;

- Buộc Trần X T hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho bà Đảng Thị L số tiền 4.233.333 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền: 9.000.000 đồng (Trong đó: Trần X T số tiền 5.000.000 đồng; Trần Đình T1, số tiền 2.000.000 đồng; Lù Văn C, số tiền 1.000.000 đồng; La Văn L, số tiền 1.000.000 đồng) để đảm bảo thi hành án; Theo biên lai thu tiền số 0000304, ngày 02-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, do ông Đỗ Hải N3 nộp T Trần X T; Theo biên lai thu tiền số 0000305, ngày 03-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, do ông Đỗ Hải N3 nộp T Trần Đình T1; Theo biên lai thu tiền số 0000306, ngày 03-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, do ông Đỗ Hải N3 nộp T La Văn L; Theo biên lai thu tiền số 0000307, ngày 03-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, do ông Đỗ Hải N3 nộp T Lù Văn C.

Kể từ ngày có đơn yêu C2 thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Buộc các bị cáo Trần X T, Trần Đình T1, La Văn L, Lù Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29-12-2021). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu C2 thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Bình**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

**Lê Thị Hường      Phạm Ngọc Minh**

**Nguyễn Thanh Bình**